

Mẫu số 01/QG

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

Kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển thống kê Việt Nam
giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045
(Kèm theo Công văn số /BKHĐT-TCTK ngày tháng 4 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
I	CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP						
1	Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực	01					
1.1	Hoàn thiện thể chế	011					
1.1.1	Sửa đổi Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	0111	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2027	2030	Luật Thống kê sửa đổi, bổ sung được thông qua
1.1.2	Xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	0112	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2022	Các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến Luật Thống kê được xây dựng, sửa đổi và ban hành
1.1.2.1	Xây dựng Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh , thành phố trực thuộc trung ương (GRDP)	01121	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Tháng 6/2022	Nghị định quy định nội dung chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh , thành phố trực thuộc trung ương (GRDP)

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.1.2.2	Xây dựng Nghị định quy định chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia	01122	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Tháng 6/2022	Nghị định quy định Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia
1.1.2.3	Xây dựng Quyết định ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	01123	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Tháng 6/2022	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã
1.1.2.4	Xây dựng Quyết định ban hành Chương trình điều tra thống kê quốc gia	01124	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Tháng 6/2022	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định Chương trình điều tra thống kê quốc gia
1.1.2.5	Xây dựng Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	01125	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Tháng 12/2022	Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
1.1.2.6	Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành	01126	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2025	Thông tư Hệ thống chỉ tiêu thống kê của các bộ, ngành được ban hành và đưa vào áp dụng
1.1.2.6.1	Xây dựng hệ thống chỉ tiêu thống kê công tác dân tộc, ngoại giao	011261	Ủy ban Dân tộc; Bộ Ngoại giao	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2025	Hệ thống chỉ tiêu thống kê công tác dân tộc, công tác ngoại giao được ban hành

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.1.2.6.2	Sửa đổi, hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Thông tin và Truyền thông, quốc phòng, văn hóa, thể thao và du lịch, tài nguyên và môi trường, ngành bảo hiểm xã hội, ngành tài chính, tòa án, tư pháp, xây dựng, y tế và kiểm sát	011262	Bộ Thông tin và truyền thông; Bộ Quốc phòng; Bộ Văn hóa TTDL; Bộ Tài nguyên và môi trường; Bảo hiểm xã hội VN; Bộ Tài chính; Tòa án nhân dân tối cao; Bộ Tư pháp; Bộ Xây dựng; Bộ Y tế; Viện Kiểm sát NDTC	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các Thông tư đã ban hành quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê của bộ, ngành
1.1.2.7	Xây dựng, hoàn thiện các bộ chỉ tiêu thống kê khác	01127	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Thông tư của Bộ trưởng/Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ được ban hành
1.1.2.7.1	Sửa đổi, bổ sung quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành dự trữ Quốc gia, kho bạc, thuế và quản lý nợ	011271	Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các Thông tư đã ban hành quy định hệ thống chỉ tiêu thống kê

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.1.2.7.2	Xây dựng chỉ tiêu thống kê phục vụ công tác quản lý nhà nước của ngành Xây dựng	011272	Bộ Xây dựng	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2025	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành bộ chỉ tiêu thống kê phục vụ công tác quản lý nhà nước của ngành Xây dựng
1.1.2.7.3	Xây dựng, hoàn thiện các chỉ tiêu thống kê phục vụ theo dõi giám sát của các Vụ, Cục ngành y tế	011273	Bộ Y tế	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Thông tư của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành chỉ tiêu thống kê phục vụ theo dõi giám sát
1.1.2.8	Triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	01128	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 được triển khai, áp dụng thống nhất
1.1.2.8.1	Xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện thi hành Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê và các văn bản liên quan	011281	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Các đơn vị thuộc Bộ, ngành; Sở ngành thuộc UBND cấp tỉnh	2022	2030	Kế hoạch triển khai thi hành Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê và các văn bản liên quan

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.1.2.8.2	Xây dựng văn bản chỉ đạo, hướng dẫn triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	011283	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Các đơn vị thuộc Bộ, ngành; Sở ngành thuộc UBND cấp tỉnh	2022	2030	Các văn bản của UBND tỉnh/Bộ trưởng/Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ về việc chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15
1.1.2.8.3	Tổ chức tuyên truyền, phổ biến Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê và các văn bản liên quan	011282	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Các đơn vị thuộc Bộ, ngành; Sở ngành thuộc UBND cấp tỉnh	2022	2030	Chương trình phổ biến và tuyên truyền Luật Thống kê và các văn bản liên quan Các báo cáo, các thông tin, nội dung, tờ gấp, ... tuyên truyền Số lượng tin, bài, phóng sự đăng trên phương tiện truyền thông đại chúng; Số lượng lớp tuyên truyền; Số lượng người tham dự
1.1.3	Xây dựng, hoàn thiện các văn bản pháp lý phục vụ công tác thống kê	0113	Bộ, ngành		2022	2030	Các văn bản pháp lý phục vụ công tác thống kê được ban hành
1.1.3.1	Xây dựng, sửa đổi, hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê	01131	Bộ, ngành		2022	2030	Các văn bản pháp lý phục vụ công tác thống kê được ban hành

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.1.3.1.1	Xây dựng, sửa đổi, hoàn thiện chế độ báo cáo thống kê ngành thông tin và truyền thông, văn hóa, thể thao và du lịch, tài chính, Bảo hiểm xã hội, tài nguyên và môi trường, ngân hàng	011311	Bộ Thông tin và truyền thông; Bộ Văn hóa TTTDL; Bộ Tài chính; Bảo hiểm xã hội VN; Bộ tài nguyên và môi trường; Ngân hàng NNVN		2022	2030	Thông tư quy định Chế độ báo cáo thống kê bộ, ngành được ban hành
1.1.3.2	Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của tổ chức thống kê Bộ, ngành	01132	Bộ, ngành		2022	2030	
1.1.3.2.1	Sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin	011321	Viện KSNDTC		2024	2025	Quyết định của Viện trưởng VKSNDTC ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin thay thế Quyết định số 19/QĐ-VKSTC-C2 ngày 20/11/2015
1.1.3.3	Cập nhật, sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn công tác thống kê chuyên ngành	01133	Bộ, ngành		2022	2030	

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.1.3.3.1	Cập nhật, sửa đổi, bổ sung các văn bản hướng dẫn công tác thống kê chuyên ngành hải quan, tài nguyên và môi trường	011331	Bộ Tài chính; Bộ Tài nguyên và môi trường		2022	2030	Sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp lý hướng dẫn công tác thống kê chuyên ngành về Hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, về ngành tài nguyên và môi trường
1.1.3.3.2	Xây dựng văn bản hướng dẫn về công tác thống kê tại Sở Tài chính.	011332	Bộ Tài chính	Sở Tài chính cấp tỉnh	2023	2024	Văn bản hướng dẫn về công tác thống kê tại Sở Tài chính
1.1.3.3.3	Cập nhật, sửa đổi, bổ sung quy định về phổ biến thông tin thống kê của Bộ Tài chính; quy chế xuất bản Niên giám thống kê tài chính và Báo cáo thường niên Bộ Tài chính.	011333	Bộ Tài chính		2022	2030	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1335/QĐ-BTC ngày 06/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế phổ biến thông tin thống kê của Bộ Tài chính; Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1322/QĐ-BTC ngày 10/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy chế xuất bản Niên giám thống kê tài chính và Báo cáo thường niên Bộ Tài chính

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.1.3.3.4	Tổ chức rà soát các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý thống nhất các bảng mã, bảng phân loại thống kê, hệ thống danh mục điện tử dùng chung trong lĩnh vực Tài chính; quy định về cấp mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách.	011334	Bộ Tài chính		2022	2030	Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản: Thông tư số 18/2017/TT-BTC ngày 28/02/2017 của Bộ Tài chính ban hành quy định Hệ thống danh mục điện tử dùng chung trong lĩnh vực Tài chính; Thông tư số 185/TT-BTC ngày 17/11/2015 về việc ban hành Quy định về hướng dẫn đăng ký, cấp và sử dụng mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách.
1.1.3.4	Cập nhật, hoàn thiện Quy chế phối hợp giữa Bộ và TCTK, các bộ ngành liên quan trong công tác thống kê, chia sẻ dữ liệu và thông tin thống kê	01134	Bộ, ngành		2022	2030	Quy chế phối hợp giữa Bộ và TCTK và các bộ ngành liên quan trong công tác thống kê, chia sẻ dữ liệu và thông tin thống kê được cập nhật và ban hành
1.1.3.4.1	Cập nhật, hoàn thiện Quy chế phối hợp giữa Bộ và TCTK, các bộ ngành liên quan trong công tác thống kê, chia sẻ dữ liệu và thông tin thống kê	011341	Bộ Thông tin và truyền thông; Bộ Tài chính			2022	Quy chế phối hợp giữa Bộ và TCTK và các bộ ngành liên quan trong công tác thống kê, chia sẻ dữ liệu và thông tin thống kê được cập nhật và ban hành
1.2	Đổi mới và hoàn thiện mô hình tổ chức	012					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.2.1	Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg	0121	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Nội vụ		2022	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg
1.2.1.1	Thành lập Ban soạn thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg	01211	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ	3/2021	Tháng 3/2021	Quyết định số 151/QĐ-TCTK ngày 02/3/2021 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc thành lập Ban biên soạn Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg
1.2.1.2	Xây dựng Đề án kiện toàn, sắp xếp các đơn vị bên trong Tổng cục	01212	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ	3/2021	Tháng 11/2021	Đề án kiện toàn, sắp xếp các đơn vị bên trong Tổng cục
1.2.1.3	Biên soạn Tờ trình, Báo cáo đánh giá tác động trình Bộ trưởng, Thủ tướng Chính phủ.	01213	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Nội vụ		Tháng 12/2021	Tờ trình trình Bộ trưởng, Thủ tướng Chính phủ.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.2.2	Kiện toàn mô hình tổ chức theo Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg	0122	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2025	- Quyết định phê duyệt kế hoạch sắp xếp các đơn vị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Quyết định của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê sửa đổi, bổ sung các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các đơn vị; - Công văn hướng dẫn các đơn vị xây dựng Đề án kiện toàn nhân sự lãnh đạo, công chức, viên chức cấp phòng.
1.2.2.1	Xây dựng kế hoạch sắp xếp các đơn vị thuộc Tổng cục Thống kê trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư	01221	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2025	Quyết định Phê duyệt kế hoạch sắp xếp các đơn vị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư
1.2.2.2	Sửa đổi, bổ sung các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trước đây theo Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg	01222	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2025	Quyết định sửa đổi, bổ sung các Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các đơn vị trước đây theo Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg
1.2.2.3	Xây dựng Kế hoạch sắp xếp, kiện toàn nhân sự lãnh đạo, công chức, viên chức khi tổ chức sắp xếp các đơn vị.	01223	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2025	Tổng cục trưởng ban hành Kế hoạch sắp xếp, kiện toàn nhân sự lãnh đạo, công chức, viên chức khi tổ chức sắp xếp các đơn vị.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.2.2.4	Xây dựng văn bản hướng dẫn các đơn vị xây dựng Đề án kiện toàn nhân sự lãnh đạo, công chức, viên chức cấp phòng.	01224	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2025	Văn bản hướng dẫn các đơn vị xây dựng Đề án kiện toàn nhân sự lãnh đạo, công chức, viên chức cấp phòng.
1.2.2.5	Xây dựng Đề án thành lập, sáp nhập phòng và tương đương.	01225	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2025	Quyết định của Tổng cục trưởng về thành lập, sáp nhập phòng và tương đương.
1.2.2.6	Triển khai thực hiện Đề án thành lập, sáp nhập phòng và tương đương	1226	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2025	Kết quả thực hiện Đề án thành lập, sáp nhập phòng và tương đương của các đơn vị triển khai thực hiện theo Quyết định của Tổng cục trưởng
1.2.3	Kiện toàn mô hình tổ chức đối với tổ chức thống kê bộ, ngành	0123	Bộ, ngành		2021	2030	
1.2.3.1	Kiện toàn mô hình tổ chức theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin sửa đổi	01231	Viện KSNDTC		2025	2026	Quyết định của Viện trưởng VKSNDTC về việc Kiện toàn mô hình tổ chức theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin sửa đổi
1.2.3.2	Kiện toàn các chức danh Lãnh đạo và bổ sung nguồn nhân lực cho Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin	01232	Viện KSNDTC			Hàng năm (từ 2026)	Quyết định của Viện trưởng VKSNDTC về việc Kiện toàn các chức danh Lãnh đạo và bổ sung nguồn nhân lực cho Cục Thống kê tội phạm và Công nghệ thông tin

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.2.3.3	Đề xuất bổ sung nhân lực, biên chế cho công tác thống kê, trong đó có nhân lực trình độ cao	01233	Bộ Thông tin và truyền thông; Bộ Văn hóa		2022	2023	Đề xuất bổ sung nhân lực, biên chế. Thuyết minh về việc bổ sung nhân lực, biên chế; Bản mô tả vị trí việc làm lĩnh vực thống kê
1.2.3.4	Củng cố và tăng cường nhân lực làm công tác thống kê các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của tỉnh, huyện, thị xã, thành phố; thống kê xã, phường, thị trấn.	01234	UBND cấp tỉnh		2023	2030	- Văn bản pháp lý của cấp có thẩm quyền quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của nhân lực làm công tác thống kê các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của tỉnh, huyện; thống kê xã, phường, thị trấn; - Số lượng công chức làm công tác thống kê cấp xã, sở ngành cấp tỉnh
1.3	Phát triển nguồn nhân lực	013					
1.3.1	Thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp	0131	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh			Hàng năm	- Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao; - Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.1.1	Xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao	01311	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh			Hàng năm	Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn nhân lực chất lượng cao
1.3.1.2	Nghiên cứu cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao theo quy định của nhà nước	01312	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh			Hàng năm	Ban hành cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao theo quy định của nhà nước
1.3.1.3	Xây dựng và triển khai kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao	01313	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh			Hàng năm	Kế hoạch tuyển dụng, tiếp nhận nhân lực chất lượng cao được ban hành và triển khai
1.3.1.3.1	Đề xuất bổ sung nhân lực, biên chế cho công tác thống kê, trong đó có nhân lực trình độ cao	013131	Bộ Thông tin và truyền thông; Bộ Văn hóa		2022	2023	Đề xuất bổ sung nhân lực, biên chế. Thuyết minh về việc bổ sung nhân lực, biên chế; Bản mô tả vị trí việc làm lĩnh vực thống kê
1.3.1.3.2	Tuyển dụng, thu hút, tiếp nhận nhân lực có trình độ cao, chuyên nghiệp cho công tác thống kê	013132	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh			Hàng năm	Số nhân lực chất lượng cao có trình độ cao, chuyên nghiệp được tuyển dụng
1.3.2	Tăng cường huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin	0132	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh				

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.2.1	Xây dựng chính sách, chế độ huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin	01321	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2022	2030	Chính sách, chế độ huy động và sử dụng các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin
1.3.2.1.1	Đề xuất cơ chế áp dụng phù hợp để huy động các chuyên gia, nhà khoa học tham gia một số hoạt động trong công tác thống kê thông tin và truyền thông	013211	Bộ Thông tin và truyền thông		2022	2023	Tập hợp các đề xuất cơ chế có thể áp dụng để huy động được sự tham gia của chuyên gia, nhà khoa học phục vụ hoạt động thống kê
1.3.2.2	Huy động các chuyên gia, nhà khoa học trong các nhóm lĩnh vực tham gia một số hoạt động trong công tác thống kê	01322	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2022	2030	- Danh sách, kèm thông tin trích ngang liên quan của chuyên gia, nhà khoa học phục vụ hoạt động thống kê; - Số lượng chuyên gia nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được huy động từ bên ngoài tham gia vào các hoạt động thống kê

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.2.2.1	Huy động các chuyên gia, nhà khoa học trong các nhóm lĩnh vực tham gia vào các hoạt động thống kê thông tin và truyền thông, văn hóa, thể thao và du lịch	013221	Bộ Thông tin và truyền thông; Bộ Văn hóa TTDL		2022	2023	- Danh sách, kèm thông tin trích ngang liên quan của chuyên gia, nhà khoa học phục vụ hoạt động thống kê; - Số lượng chuyên gia nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được huy động từ bên ngoài tham gia vào các hoạt động thống kê
1.3.2.2.2	Thành lập Tổ nghiên cứu về khoa học Thống kê gồm các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin	013222	UBND cấp tỉnh			2023	Quyết định thành lập tổ nghiên cứu, Quy chế hoạt động; Số lượng chuyên gia nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin được huy động từ bên ngoài tham gia hợp tác
1.3.2.2.3	Lấy ý kiến của các chuyên gia, nhà khoa học về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin từ bên ngoài tham gia vào các hoạt động thống kê	013223	UBND cấp tỉnh			Hàng năm	- Các văn bản góp ý cho các hoạt động thống kê; - Các cuộc hội thảo/hội nghị có sự tham gia, góp ý của các chuyên gia.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.2.3	Đề nghị hỗ trợ kỹ thuật từ các Tổ chức Quốc tế về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin...thông qua các dự án, hội thảo, hội nghị trực tiếp, trực tuyến chia sẻ kinh nghiệm thực tế của các nước	01323	Bộ, ngành			Hàng năm	- Các khóa học, dự án hỗ trợ kỹ thuật của các Tổ chức Quốc tế về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin; - Số lượt công chức, viên chức tham dự các hội thảo, hội nghị trực tiếp, trực tuyến...
1.3.2.4	Tổ chức các khóa học, lớp bồi dưỡng về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin... với sự tham gia giảng dạy của các chuyên gia	01324	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh			Hàng năm	- Số lượng khóa học, lớp bồi dưỡng được tổ chức có các chuyên gia về lĩnh vực khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin... tham gia giảng dạy; - Số lượt công chức, viên chức tham dự các khóa học, lớp bồi dưỡng
1.3.3	Ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ đối với các vùng khó khăn	0133	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh				
1.3.3.1	Nghiên cứu tiêu chí ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ trong kế hoạch tuyển dụng người làm công tác thống kê	01331	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2022	2030	Cụ thể hóa các tiêu chí ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.3.1.1	Nghiên cứu tiêu chí ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ cho công tác thống kê đối với ngành thông tin truyền thông và văn hóa, thể thao, du lịch	013311	Bộ Thông tin và truyền thông; Bộ Văn hóa TTDL		2022	2030	Cụ thể hóa các tiêu chí ưu tiên sử dụng nhân lực tại chỗ
1.3.3.2	Triển khai thực hiện chính sách của Đảng, nhà nước về tuyển dụng, tiếp nhận...đối với công chức, viên chức tại vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo.	01332	UBND cấp tỉnh			Hàng năm	Số lượng công chức, viên chức tại vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo được tuyển dụng, tiếp nhận theo chính sách của Đảng, nhà nước.
1.3.3.2.1	Rà soát nhân lực làm công tác thống kê tại vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo.	013321	UBND cấp tỉnh			Hàng năm	Số lượng công chức, viên chức tại vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo được tuyển dụng, tiếp nhận theo chính sách của Đảng, nhà nước.
1.3.3.2.2	Xây dựng kế hoạch luân chuyển, điều động nhân lực công tác thống kê tại vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo	013322	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Kế hoạch luân chuyển, điều động nhân lực công tác thống kê được cấp có thẩm quyền ban hành

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.3.3.2.3	Tổ chức các lớp bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ tại địa phương ở vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo cho công chức thống kê thuộc Hệ thống TKTT	013323	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Hàng năm	Hàng năm	- Số lượt công chức ở vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ thống kê; - Số lớp bồi dưỡng được tổ chức cho công chức vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa
1.3.4	Biệt phái công chức thống kê	0134	Bộ Kế hoạch và Đầu tư				
1.3.4.1	Xây dựng Kế hoạch cử biệt phái công chức thống kê theo từng giai đoạn	01341	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2025	2030	Kế hoạch cử biệt phái công chức thống kê theo từng giai đoạn
1.3.4.2	Triển khai thực hiện cử biệt phái công chức thống kê	01342	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2025	2030	Số lượng công chức thống kê được biệt phái đến công tác tại tổ chức thống kê bộ, ngành
1.3.4.3	Tổng kết công tác biệt phái công chức thống kê	01343	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành		2030	Báo cáo đánh giá chất lượng công tác thống kê (cung cấp, phối hợp giữa Bộ, ngành với Tổng cục Thống kê) sau khi có công chức thống kê biệt phái.
1.4	Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng	014					
1.4.1	Nâng cấp hệ thống đào tạo, chương trình, nội dung, hình thức, cấp độ đào tạo, bồi dưỡng	0141	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2023	2030	

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.1.1	Xây dựng Đề án thành lập Trường Đại học Thống kê	01411	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2023	2024	Đề án thành lập Trường Đại học Thống kê được cấp có thẩm quyền phê duyệt
1.4.1.2	Xây dựng chương trình, tài liệu giảng dạy chương trình đại học	01412	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2026	Chương trình, tài liệu giảng dạy chương trình đại học được cấp có thẩm quyền phê duyệt
1.4.1.3	Xây dựng Đề án, chương trình đổi mới hình thức đào tạo, bồi dưỡng (từ xa, trực tuyến)	01413	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2023	2024	Đề án, chương trình đổi mới hình thức đào tạo, bồi dưỡng (từ xa, trực tuyến) được cấp có thẩm quyền phê duyệt
1.4.1.4	Xây dựng kế hoạch tuyển sinh; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng	01414	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Hàng năm	- Kế hoạch tuyển sinh; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng; - Số lượng sinh viên đại học tuyển sinh hàng năm theo kế hoạch tuyển sinh.
1.4.2	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho công chức, viên chức thuộc hệ thống thống kê tập trung	0142	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2030	- Chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ sửa đổi được ban hành; - Đổi mới hình thức đào tạo, bồi dưỡng (từ xa, trực tuyến); - Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; - Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng theo tiểu ngạch, vị trí việc làm.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.2.1	Rà soát, tổng hợp thực trạng nguồn nhân lực tại Hệ thống thống kê tập trung	01421	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			Hàng năm	Báo cáo thực trạng nguồn nhân lực tại Hệ thống thống kê tập trung
1.4.2.2	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, 5 năm	01422	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			Hàng năm	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm, 5 năm
1.4.2.3	Xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê.	01423	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2019	Tháng 12/2022	Chương trình, tài liệu bồi dưỡng nghiệp vụ thống kê được cấp có thẩm quyền phê duyệt
1.4.2.4	Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch	01424	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			Hàng năm	- Số lượng lớp đào tạo, bồi dưỡng theo kế hoạch được tổ chức; - Số lượng công chức, viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng được cấp chứng chỉ
1.4.3	Đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu khoa học thống kê và khoa học dữ liệu	0143	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2023	2030	Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng
1.4.3.1	Thống kê số lượng công chức cần đào tạo chuyên sâu khoa học thống kê và khoa học dữ liệu theo vị trí việc làm	01431	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Hàng năm	Báo cáo số lượng công chức cần đào tạo chuyên sâu khoa học thống kê và khoa học dữ liệu theo vị trí việc làm
1.4.3.2	Xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu bồi dưỡng chuyên sâu về khoa học thống kê và khoa học dữ liệu	01432	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2023	2025	Quyết định của Tổng cục trưởng ban hành Chương trình, tài liệu bồi dưỡng chuyên sâu về khoa học thống kê và khoa học dữ liệu

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.3.3	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về khoa học thống kê và khoa học dữ liệu theo vị trí việc làm	01433	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Hàng năm	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu khoa học thống kê và khoa học dữ liệu theo vị trí việc làm
1.4.3.4	Tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên sâu về khoa học thống kê và khoa học dữ liệu theo vị trí việc làm	01434	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Hàng năm	- Số lượng lớp bồi dưỡng chuyên sâu theo vị trí việc làm được tổ chức; - Số lượng công chức, viên chức tham gia bồi dưỡng.
1.4.4	Xây dựng văn hóa học tập thường xuyên, liên tục trong hệ thống thống kê	0144	Bộ, ngành			Hàng năm	Chất lượng công chức, viên chức trong hệ thống thống kê được nâng cao.
1.4.4.1	Nghiên cứu, đề xuất các hình thức khuyến khích học tập đa dạng, phong phú nâng cao chất lượng công chức, viên chức trong hệ thống thống kê	01441	Bộ, ngành			Hàng năm	Hình thức khuyến khích phù hợp
1.4.4.2	Áp dụng các hình thức khuyến khích học tập	01442	Bộ, ngành			Hàng năm	Chất lượng công chức, viên chức trong hệ thống thống kê được nâng cao.
1.4.5	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho những người làm công tác thống kê tại Bộ, ngành và địa phương	0145	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2023	2030	- Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; - Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng theo tiểu ngạch, vị trí việc làm.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.5.1	Rà soát, đánh giá hiện trạng nguồn nhân lực làm công tác thống kê	01451	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh				
1.4.5.1.1	Rà soát, đánh giá hiện trạng và xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác thống kê tại các đơn vị trực thuộc Bộ	014511	Bộ, ngành			Hàng năm	Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng và nhu cầu đào tạo nhân lực thống kê
1.4.5.1.2	Rà soát, đánh giá hiện trạng và xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác thống kê tại sở, ngành địa phương; thống kê xã, phường, thị trấn; thống kê doanh nghiệp; cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp	014512	UBND cấp tỉnh	Sở, ngành; UBND cấp huyện, cấp xã	2023	2030	Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng và nhu cầu đào tạo nhân lực thống kê
1.4.5.2	Xây dựng chương trình, biên soạn tài liệu bồi dưỡng	01452	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2023	2030	Chương trình đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt
1.4.5.3	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, 5 năm	01453	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh			Hàng năm	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm, 5 năm
1.4.5.3.1	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, 5 năm cho bộ, ngành	014531	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; UBND cấp tỉnh		Hàng năm	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm, 5 năm
1.4.5.3.2	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm, 5 năm cho địa phương	014532	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Hàng năm	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm, 5 năm
1.4.5.4	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng	01454					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.5.4.1	Cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về công tác thống kê của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) □	014541	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Hàng năm	- Số khóa đào tạo, bồi dưỡng; - Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng hàng năm
1.4.5.4.2	Tổ chức các khóa đào tạo cơ bản và nâng cao kiến thức thống kê và phối hợp tổ chức tập huấn, phổ biến những chế độ, chính sách mới và kinh nghiệm triển khai công tác thống kê cho cán bộ trong bộ, ngành, người làm công tác thống kê ở sở ngành cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã...	014542	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh			Hàng năm	- Số khóa đào tạo, bồi dưỡng; - Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng hàng năm
1.4.5.4.3	Tổ chức các khóa đào tạo, khảo sát, học hỏi kinh nghiệm công tác thống kê tại nước ngoài	014543	Bộ, ngành			Hàng năm	- Số khóa đào tạo, bồi dưỡng; - Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng hàng năm
1.4.5.4.4	Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia chuyên sâu về phân tích, khai phá dữ liệu, sử dụng công nghệ mới về khoa học thống kê và khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo; Big data; ứng dụng các mô hình phân tích, sử dụng công cụ, phần mềm tiên tiến hiện đại vào phân tích thống kê...	014544	Bộ, ngành			Hàng năm	- Số khóa đào tạo, bồi dưỡng; - Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng hàng năm

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.5.4.5	Tổ chức các lớp bồi dưỡng, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ tại địa phương ở vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo	014545	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Hàng năm	Hàng năm	- Số lượt công chức ở vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, hải đảo được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ thống kê; - Số lớp bồi dưỡng được tổ chức cho công chức vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa
1.4.5.4.6	Tổ chức các khóa phổ biến kiến thức thống kê cho lãnh đạo các cơ quan, Sở ban ngành	014543	UBND tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2023	2030	- Số lượng khóa bồi dưỡng; - Đối tượng được đào tạo, bồi dưỡng, phổ biến kiến thức thống kê.
1.4.6	Hợp tác, liên kết trong công tác đào tạo, bồi dưỡng	0146	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh; các tổ chức khác		Hàng năm	- Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; - Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng.
1.4.6.1	Xây dựng chương trình đào tạo	01461	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh; các tổ chức khác		Hàng năm	Chương trình đào tạo
1.4.6.2	Xây dựng giáo trình, bài giảng	01462	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh; các tổ chức khác		Hàng năm	Giáo trình, bài giảng

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.6.3	Xây dựng đội ngũ giảng viên	01463	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh; các tổ chức khác		Hàng năm	Đội ngũ giảng viên đạt chuẩn
1.4.6.4	Tổ chức các khóa đào tạo về phân tích dữ liệu thống kê, phương pháp thu thập dữ liệu phi truyền thống; về khai thác và sử dụng dữ liệu Bigadata, trí tuệ nhân tạo trong thống kê; kỹ năng lập bảng I-O...	01461	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh; các tổ chức khác		Hàng năm	Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng Số lượng học viên được cấp chứng chỉ
1.4.6.5	Hợp tác, liên kết với các tổ chức quốc tế/Viện đào tạo quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	01461	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh; các tổ chức khác		Hàng năm	- Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; - Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng.
2	Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê	02					
2.1	Xây dựng, hoàn thiện và ban hành đồng bộ các tiêu chuẩn thống kê	021					
2.1.1	Nghiên cứu xây dựng khung chung về tiêu chuẩn thống kê	0211	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2025	Khung chung về tiêu chuẩn thống kê
2.1.1.1	Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn thống kê Việt Nam	02111	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2019	2020	Báo cáo khoa học về tiêu chuẩn thống kê
2.1.2	Rà soát các tiêu chuẩn thống kê hiện có	0212	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2025	Báo cáo rà soát về các tiêu chuẩn thống kê hiện có
2.1.2.1	Rà soát các tiêu chuẩn thống kê kinh tế hiện có	02121	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2023	2024	Báo cáo rà soát về các tiêu chuẩn thống kê kinh tế hiện có

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2.1.2.2	Rà soát các tiêu chuẩn thống kê xã hội hiện có	02122	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2024	2025	Báo cáo rà soát về các tiêu chuẩn thống kê xã hội hiện có
2.1.2.3	Rà soát các tiêu chuẩn thống kê khác hiện có	02123	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2024	2025	Báo cáo rà soát về các tiêu chuẩn thống kê khác hiện có
2.1.3	Xây dựng, chuẩn hóa các tiêu chuẩn theo tiêu chuẩn thống kê quốc tế và phù hợp với Việt Nam	0213	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2025	Thông tư do Bộ trưởng Bộ KH&ĐT ban hành Tiêu chuẩn thống kê theo các lĩnh vực
2.1.3.1	Xây dựng, trình Bộ trưởng ban hành Thông tư quy định về tiêu chuẩn thống kê Việt Nam	02131	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2024	2025	Thông tư do Bộ trưởng Bộ KH&ĐT ban hành Tiêu chuẩn thống kê
2.2	Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	022	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2025	2027	
2.2.1	Biên soạn tài liệu hướng dẫn các tiêu chuẩn thống kê	0221	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2025	2026	Tài liệu hướng dẫn các tiêu chuẩn thống kê được ban hành
2.2.1.1	Ấn phẩm sổ tay hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn thống kê	02211	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2025	2026	Sổ tay hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn thống kê
2.2.2	Công bố, phổ biến, xây dựng cơ sở dữ liệu và cập nhật các tiêu chuẩn thống kê	0222	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2026	2027	Các tiêu chuẩn thống kê được công bố, phổ biến
2.2.2.1	Hội thảo hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn thống kê dành cho thống kê Bộ, ngành	02221	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2026	2027	Số cuộc hội thảo, số đại biểu tham dự
2.2.2.2	Hội thảo hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn thống kê dành cho các Cục Thống kê	02222	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2026	2027	Số cuộc hội thảo, số đại biểu tham dự
2.2.2.3	Xây dựng trang Web tra cứu tiêu chuẩn thống kê	02223	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2026	2027	Trang web tra cứu các tiêu chuẩn thống kê

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2.2.3	Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	0223	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2025	2030	Tiêu chuẩn thống kê được triển khai áp dụng thống nhất
2.2.3.1	Rà soát lại tiêu chuẩn thống kê đang sử dụng	02231	Bộ, ngành		2025	2026	Tiêu chuẩn thống kê được rà soát
2.2.3.1.1	Rà soát lại tiêu chuẩn thống kê đang sử dụng tại Bộ ngành	022311	Bộ, ngành		2025	2026	Tiêu chuẩn thống kê được rà soát
2.2.3.1.2	Rà soát lại tiêu chuẩn thống kê đang sử dụng tại các sở ban, ngành cấp tỉnh, huyện, xã	022312	UBND cấp tỉnh		2025	2026	Tiêu chuẩn thống kê được rà soát
2.2.3.2	Đào tạo về sử dụng các tiêu chuẩn thống kê	02232	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2026	2030	Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng
2.2.3.2.1	Đào tạo về sử dụng các tiêu chuẩn thống kê cho người làm thống kê tại các Cục Thống kê	022321	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2026	2030	Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng
2.2.3.2.2	Đào tạo về sử dụng các tiêu chuẩn thống kê cho người làm thống kê tại các Bộ, ngành	022322	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2026	2030	Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng; Số lượng học viên được đào tạo, bồi dưỡng
2.2.3.3	Triển khai áp dụng tiêu chuẩn thống kê do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành	02233	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2026	2030	Số cơ quan thống kê bộ ngành triển khai áp dụng các tiêu chuẩn thống kê ban hành
2.2.3.3.1	Triển khai áp dụng tiêu chuẩn thống kê trong các đơn vị thuộc bộ, ngành	022331	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2026	2030	Tiêu chuẩn thống kê được triển khai áp dụng thống nhất tại Bộ

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2.2.3.3.1. 1	Nghiên cứu, từng bước áp dụng các tiêu chuẩn thống kê được bộ, ngành sử dụng	0223311	Bộ, ngành		2022	2030	
+	Nghiên cứu, từng bước áp dụng thống kê tài chính chính phủ theo chuẩn GFS2014 của IMF; các bảng danh mục, phân loại phục vụ thống kê tài chính; bộ chuẩn báo cáo tài chính (XBRL), chuẩn trao đổi dữ liệu và siêu dữ liệu thống kê (SDMX) áp dụng trong việc xây dựng, phát triển các phần mềm thu thập thông tin, báo cáo thống kê, tài chính.		Bộ Tài chính	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	- Xây dựng hệ thống chỉ tiêu, biểu mẫu báo cáo thống kê tài chính chính phủ phù hợp với chuẩn thống kê tài chính chính phủ GFS2014; - Các bảng danh mục, phân loại phục vụ thống kê tài chính được áp dụng; - Các tiêu chuẩn báo cáo tài chính (XBRL), chuẩn trao đổi dữ liệu và siêu dữ liệu thống kê (SDMX),... được nghiên cứu, áp dụng trong việc phát triển các phần mềm thu thập thông tin, báo cáo thống kê, tài chính.
2.2.3.3.1. 2	Biên soạn tài liệu hướng dẫn các tiêu chuẩn thống kê bộ, ngành đang sử dụng	0223312	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2026	2026	Tài liệu hướng dẫn các tiêu chuẩn thống kê được ban hành
2.2.3.3.2	Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê tại các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường, thị trấn	022332	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2026	2030	- Số lượng văn bản chỉ đạo, hướng dẫn áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê của Bộ KH&ĐT, Tổng cục Thống kê; - Tiêu chuẩn thống kê được triển khai áp dụng thống nhất

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2.2.3.3.2.1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp tập huấn về tiêu chuẩn thống kê	0223321	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2025	2030	- Ban hành kế hoạch triển khai áp dụng các tiêu chuẩn thống kê; - Số lớp tập huấn về tiêu chuẩn thống kê cho cán bộ cấp chi cục, xã, phường được tổ chức.
2.2.3.3.2.2	Cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê của Bộ KH&ĐT, Tổng cục Thống kê đến các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, phường, thị trấn	0223322	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2025	2030	Số lượng văn bản chỉ đạo, hướng dẫn áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê của Bộ KH&ĐT, Tổng cục Thống kê
2.3	Xây dựng, hoàn thiện và ban hành đồng bộ các quy trình sản xuất thông tin thống kê	023	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2023	
2.3.1	Xây dựng, hoàn thiện và ban hành Quy trình sản xuất thông tin thống kê (Quy trình chung)	0231	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2023	Quy trình sản xuất thông tin thống kê (Quy trình chung và quy trình chi tiết)
2.3.2	Xây dựng, hoàn thiện và ban hành Quy trình sản xuất thông tin thống kê theo từng nguồn dữ liệu/hình thức thu thập thông tin (quy trình chi tiết)	0232	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2023	Quy trình sản xuất thông tin thống kê theo từng nguồn dữ liệu/hình thức thu thập thông tin
2.3.2.1	Xây dựng, hoàn thiện và ban hành Quy trình điều tra thống kê	02321	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2023	Quy trình điều tra thống kê được ban hành
2.3.2.2	Xây dựng, hoàn thiện và ban hành Quy trình khai thác và sử dụng dữ liệu hành chính	02322	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2025	Quy trình sử dụng dữ liệu hành chính được ban hành
2.3.2.3	Nghiên cứu xây dựng Quy trình khai thác và sử dụng dữ liệu mới, dữ liệu lớn	02323	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2025	Báo cáo nghiên cứu
2.3.2.4	Xây dựng, chuẩn hóa quy trình xử lý, tổng hợp, chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện xã	02324	Bộ Kế hoạch Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	Quy trình xử lý, tổng hợp, chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện xã

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2.4	Triển khai áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	024	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	Các quy trình sản xuất thông tin thống kê được triển khai áp dụng thống nhất
2.4.1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp tập huấn về các quy trình sản xuất thông tin thống kê	0241	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2025	- Kế hoạch triển khai áp dụng các quy trình sản xuất thông tin thống kê - Số lớp tập huấn về các quy trình sản xuất thông tin thống kê
2.4.2	Triển khai các hoạt động thống kê đảm bảo đúng các bước của quy trình sản xuất thông tin thống kê	0242	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2025	Các quy trình sản xuất thông tin thống kê được triển khai áp dụng thống nhất
2.4.2.1	Cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	02421	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	Số lượng văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê
2.4.2.2	Áp dụng quy trình sản xuất thống kê trong điều tra biến động dân số, lao động việc làm	02422	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2025	Quy trình sản xuất thông tin thống kê được áp dụng thống nhất trong điều tra lao động việc làm và biến động dân số
2.4.2.3	Áp dụng quy trình sản xuất thông tin thống kê tiên tiến trong các nhóm lĩnh vực hoạt động thông tin truyền thông, kiểm sát, công thương	02423	Bộ Thông tin và truyền thông; Viện KSDTC; Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2023	2030	Các quy trình sản xuất thông tin thống kê được triển khai áp dụng thống nhất trong các nhóm lĩnh vực hoạt động TT&TT, kiểm sát, công thương
2.5	Nghiên cứu , xây dựng, ban hành và áp dụng các mô hình thống kê hiện đại	025					
2.5.1	Nghiên cứu các mô hình thống kê hiện đại	0251	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2025	2030	

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2.5.1.1	Nghiên cứu về mô hình thống kê GAMSO và khả năng áp dụng vào thống kê Việt Nam	02511	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2025	2030	Báo cáo nghiên cứu về mô hình thống kê GAMSO và khả năng áp dụng vào thống kê Việt Nam
2.5.1.2	Nghiên cứu về Mô hình thông tin thống kê (GSIM) và khả năng áp dụng vào thống kê Việt Nam	02512	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2025	2030	Mô hình thông tin thống kê (GSIM) được nghiệm thu
2.5.2	Áp dụng các mô hình thống kê hiện đại	0252	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2025	2030	Mô hình thống kê hiện đại được áp dụng
3	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu	03					
3.1	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu	031					
3.1.1	Đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê	0311	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2021	2030	- Các hệ thống CNTT phục vụ tất cả các bước thu thập, giám sát và xử lý thông tin thống kê; - Đến năm 2030, 100% các cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê được thay thế phiếu điều tra giấy bằng phiếu điều tra điện tử.
3.1.1.1	Đa dạng hoá hình thức thu thập thông tin thống kê	03111	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2021	2030	Phần mềm phục vụ thu thập thông tin thống kê
3.1.1.1.1	Ứng dụng thu thập bằng phiếu điện tử trực tuyến (webform)	031111	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2030	Hệ thống cung cấp thông tin trực tuyến
3.1.1.1.2	Ứng dụng thu thập bằng phiếu điện tử trên thiết bị di động (CAPI)	031112	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2030	Các phần mềm thu thập thông tin trên thiết bị di động

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.1.1.3	Nghiên cứu ứng dụng thu thập thông tin theo hình thức phỏng vấn qua điện thoại với sự trợ giúp của máy tính (CATI)	031113	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2025	2030	Báo cáo kết quả nghiên cứu
3.1.1.1.4	Nghiên cứu ứng dụng chuỗi khối (Blockchain) trong thu thập thông tin	031114	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2025	2030	Báo cáo kết quả nghiên cứu
3.1.1.1.5	Nghiên cứu ứng dụng các hình thức thu thập thông tin mới (Ảnh viễn thám, dữ liệu quét (scan) về giá, ...)	031115	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			2030	Báo cáo kết quả nghiên cứu
3.1.1.1.6	Nghiên cứu về kinh nghiệm sử dụng dữ liệu hành chính của các quốc gia trên thế giới	031116	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2023	Kinh nghiệm quốc tế về sử dụng dữ liệu hành chính được phổ biến rộng rãi
3.1.1.1.7	Xây dựng phần mềm khai thác dữ liệu hành chính từ Tổng cục Thuế	031117	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Tổng cục Thuế	2022	2023	Phần mềm khai thác dữ liệu hành chính từ Tổng cục Thuế
3.1.1.1.8	Xây dựng phần mềm khai thác dữ liệu từ chế độ báo cáo thống kê điện tử cấp quốc gia	031118	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2023	Phần mềm khai thác dữ liệu từ chế độ báo cáo thống kê điện tử cấp quốc gia
3.1.1.2	Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong xử lý thống kê, ứng dụng công nghệ thông tin trong việc kiểm tra, giám sát, xử lý thông tin thống kê	03112	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2021	2030	- Hệ thống xử lý thông tin thống kê - Các hệ thống CNTT phục vụ tất cả các bước thu thập, giám sát và xử lý thông tin thống kê;

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.1.2.1	Giám sát thu thập dữ liệu thống kê trực tuyến	031121	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; UBND cấp tỉnh		2021	2030	- Các hệ thống CNTT phục vụ giám sát thu thập thông tin thống kê; - Phần mềm ứng dụng - Báo cáo giám sát các cuộc điều tra
3.1.1.2.2	Ứng dụng CNTT trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê ngành bảo hiểm xã hội, xây dựng, văn hóa, thể thao và du lịch, công thương	031122	Bảo hiểm xã hội; Bộ Xây dựng; Bộ Văn hóa TTDL; Bộ Công Thương		2022	2030	Số liệu báo cáo thống kê Ngành được tổng hợp, khai thác toàn bộ trên hệ thống tổng hợp và phân tích tập trung ngành bảo hiểm xã hội, xây dựng, văn hóa, thể thao và du lịch, công thương
3.1.1.2.3	Nâng cấp phần mềm tổng hợp số liệu thống kê ngành tài nguyên và môi trường	031123	Bộ Tài nguyên và Môi trường	Sở TN&MT tỉnh, thành phố	2022	2030	Phần mềm thống kê ngành tài nguyên và môi trường được nâng cấp và đưa vào áp dụng
3.1.1.2.4	Xây dựng hệ thống phục vụ xử lý số liệu báo cáo thống kê trong Bộ Quốc phòng	031124	Bộ Quốc phòng		2023	2030	Phần mềm kiểm kê 0 giờ ngày 01/01 hàng năm trong BQP
3.1.1.2.5	Nâng cấp phần mềm thống kê ngành Tư pháp	031125	Bộ Tư pháp		2025	2030	Phần mềm thống kê ngành Tư pháp có thể tự thực hiện giám sát và xử lý thông tin thống kê
3.1.1.2.6	Nâng cấp Hệ thống Thông tin thống kê để gửi, nhận báo cáo, khai thác thông tin, số liệu thống kê của Bộ Tài chính	031126	Bộ Tài chính		2022	2030	Hệ thống thông tin Thống kê tài chính để gửi, nhận báo cáo, khai thác thông tin, số liệu thống kê của Bộ Tài chính

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.1.2.7	Xây dựng Hệ thống thông tin báo cáo thống kê của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	031127	Bộ Văn hóa TTDL		2023	2024	Hệ thống thông tin báo cáo thống kê của Bộ được xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác
3.1.1.2.8	Nâng cấp phát triển Hệ thống Thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	031128	Bộ Tài chính		2022	2030	Hệ thống được nâng cấp và triển khai áp dụng vào công tác thống kê Hải quan
3.1.1.2.9	Phát triển, nâng cấp, quản trị, vận hành và hỗ trợ người sử dụng Cổng Công khai ngân sách nhà nước	031129	Bộ Tài chính	Bộ, ngành; các Sở Tài chính cấp tỉnh	2022	2030	Cổng công khai NSNN được tích hợp với Cổng công khai của các Bộ, cơ quan trung ương, các Sở Tài chính
3.1.1.2.1.0	Bổ sung và nâng cấp hạ tầng phần mềm thống kê để chia sẻ thông tin thống kê	0311210	Đài Truyền hình VN		2025	2030	- Nâng cấp hạ tầng phần mềm thống kê, sẵn sàng kết nối liên thông; - Hệ thống phần mềm Quản lý tài chính kế toán, sản xuất và phát sóng phục vụ công tác thống kê
3.1.1.2.1.2	Xây dựng phần mềm kết nối các Sở ngành để thu thập báo cáo Thống kê	03112112	UBND cấp tỉnh		2022	2030	Phần mềm kết nối các Sở ngành
3.1.2	Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê	0312	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính
3.1.2.1	Xây dựng và thường xuyên cập nhật cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa Cục Thống kê với thống kê Sở, Ngành ở địa phương	03121	UBND cấp tỉnh		2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành kèm theo Quy chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa các nhà sản xuất thông tin thống kê với nhau

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.2.2	Sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước	03122	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính
3.1.2.2.1	Sử dụng dữ liệu hành chính về quản lý thuế	031221	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; UBND cấp tỉnh	Bộ Tài chính; Tổng cục Thuế		Hàng năm	- Sử dụng dữ liệu quản lý thuế trong việc chọn mẫu điều tra doanh nghiệp - Sử dụng dữ liệu báo cáo tài chính, dữ liệu tờ khai thuế hàng tháng để thay thế các chỉ tiêu cần điều tra của doanh nghiệp hàng năm và hàng quý
3.1.2.2.2	Sử dụng dữ liệu hành chính về xuất nhập khẩu	031222	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; UBND cấp tỉnh	Bộ Tài chính; Tổng cục Hải quan	2024	2030	- Sử dụng dữ liệu xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan để biên soạn các chỉ tiêu thống kê - Sử dụng thông tin xuất nhập khẩu làm dàn mẫu cho một số cuộc điều tra liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.2.2.3	Sử dụng dữ liệu hành chính về quản lý dân cư	031223	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; UBND cấp tỉnh	Các đơn vị thuộc TCTK; Bộ Công an	2025	2030	- Sử dụng dữ liệu quản lý dân cư kết hợp với dữ liệu điều tra làm mẫu cho một số cuộc điều tra về dân số - Sử dụng dữ liệu quản lý dân cư thay thế một số chỉ tiêu trong Tổng điều tra dân số năm 2029
3.1.2.2.4	Sử dụng dữ liệu hành chính về đất đai	031224	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; UBND cấp tỉnh	Bộ Tài chính; Bộ Tài nguyên và Môi trường	2025	2030	Các chỉ tiêu về đất đai
3.1.2.2.5	Sử dụng dữ liệu hành chính về Bảo hiểm	031225	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; UBND cấp tỉnh	Bộ Tài chính; Bảo hiểm xã hội Việt Nam	2025	2030	Các chỉ tiêu về bảo hiểm
3.1.2.2.6	Sử dụng một số nguồn dữ liệu hành chính khác trong hoạt động thống kê	031226	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; UBND cấp tỉnh	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2025	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính
+	Sử dụng dữ liệu hành chính về cơ sở kinh tế (số cơ sở SXKD cá thể, doanh nghiệp, dự án...)		UBND cấp tỉnh	Cục thuế; Sở Nội vụ	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về cơ sở kinh tế

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
+	Sử dụng dữ liệu hành chính về y tế, giáo dục, văn hóa thể thao, xã hội môi trường		UBND cấp tỉnh	Sở Y tế	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về y tế
+	Sử dụng dữ liệu hành chính về tài chính, ngân hàng; bảo hiểm; ngân sách nhà nước		UBND cấp tỉnh	Sở Tài chính; Kho bạc Nhà nước	2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn Dữ liệu hành chính về ngân sách Nhà nước
+	Sử dụng dữ liệu hành chính về quản lý công chức, viên chức		UBND cấp tỉnh	Cục Thống kê	2022	2030	Số chỉ tiêu báo cáo về nguồn lực con người trong các Cơ quan Đảng, đơn vị hành chính, sự nghiệp
+	Dữ liệu hành chính về Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn		UBND cấp tỉnh	Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn	2022	2030	Nguồn dữ liệu hành chính
+	Liên thông, trích xuất dữ liệu thống kê từ các cơ sở dữ liệu hành chính và các phần mềm quản lý nhà nước của Bộ với phần mềm thống kê ngành		Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Tư pháp	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tư pháp cấp tỉnh		Hàng năm	Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường, tư pháp và các phần mềm quản lý nghiệp vụ trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ được chia sẻ, liên thông với phần mềm tổng hợp thống kê ngành

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
+	Sử dụng dữ liệu hành chính sẵn có cho thống kê lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, thông tin truyền thông, ngân hàng, văn hóa, thể thao và du lịch, công thương		Bộ Tài chính; Bộ Thông tin và Truyền thông; Ngân hàng NN; Bộ Văn hóa TTDL; Bộ Công Thương; Bộ Y tế		2022	2030	Số chỉ tiêu thống kê được biên soạn từ dữ liệu hành chính sẵn có trong lĩnh vực thống kê tài chính, bảo hiểm, thông tin truyền thông, ngân hàng, văn hóa, thể thao và du lịch, công thương
3.1.3	Tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra	0313	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	- Số lượng các cuộc điều tra trực tiếp được giảm thiểu; - Các hệ thống công nghệ thông tin phục vụ tất cả các bước của quy trình điều tra; - Các giải pháp thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin
3.1.3.1	Tích hợp các cuộc điều tra có cùng lĩnh vực và đối tượng	03131	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ, ngành	2022	2030	Số lượng cuộc điều tra được tích hợp
3.1.3.1.1	Tích hợp các cuộc điều tra với đơn vị điều tra là doanh nghiệp	031311	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	Phần mềm quản lý đơn vị điều tra Tích hợp các phiếu điều tra cho cùng đơn vị điều tra

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.3.1.2	Tích hợp các cuộc điều tra với đơn vị điều tra là cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể	031312	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	Phần mềm quản lý đơn vị điều tra Tích hợp các phiếu điều tra cho cùng đơn vị điều tra
3.1.3.1.3	Tích hợp các cuộc điều tra với đơn vị điều tra là hộ gia đình	031313	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2023	2030	Phần mềm quản lý đơn vị điều tra Tích hợp các phiếu điều tra cho cùng đơn vị điều tra
3.1.3.1.4	Tích hợp các cuộc điều tra với đơn vị điều tra là hộ nông, lâm, thủy sản	031314	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2023	2030	Phần mềm quản lý đơn vị điều tra Tích hợp các phiếu điều tra cho cùng đơn vị điều tra
3.1.3.2	Tin học hóa toàn bộ quy trình điều tra thống kê	03132	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ, ngành	2023	2030	Các bước trong quy trình điều tra thống kê được tin học hóa
3.1.3.3	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin	03133	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ, ngành	2025	2030	Báo cáo kết quả nghiên cứu
3.1.3.3.1	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ Chatbot	031331	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2025	2030	Báo cáo kết quả nghiên cứu
3.1.3.3.2	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ Voicebot	031332	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2025	2030	Báo cáo kết quả nghiên cứu
3.1.3.3.3	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo trong đánh mã phân loại thống kê	031333	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2025	2030	Báo cáo kết quả nghiên cứu
3.1.3.3.4	Triển khai ứng dụng công nghệ thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin	031334	UBND cấp tỉnh		2022	2030	Kết quả ứng dụng các giải pháp thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.4	Ứng dụng khoa học thống kê, khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu mới cho hoạt động thống kê	0314	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	- Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) được biên soạn từ nguồn dữ liệu lớn; - Chỉ số giá bất động sản được biên soạn từ nguồn dữ liệu lớn; - Chỉ tiêu thống kê di cư nội địa được biên soạn từ nguồn dữ liệu điện thoại đi động; - Giải pháp sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước phục vụ công tác thống kê.
3.1.4.1	Ứng dụng khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu tính chỉ số giá tiêu dùng một số nhóm hàng	03141	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2030	Chỉ số giá tiêu dùng một số nhóm hàng
3.1.4.1.1	Ứng dụng phương pháp quét dữ liệu giá (Data Scanning)	031411	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2024	2030	Chỉ số giá tiêu dùng một số nhóm hàng, trong đó nhóm hàng lương thực, thực phẩm và đồ uống, thuốc lá
3.1.4.1.2	Ứng dụng phương pháp khai thác dữ liệu giá tiêu dùng từ các trang web (Web scraping)	031412	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2030	Chỉ số giá tiêu dùng nhóm hàng vé máy bay, vé tàu hỏa, khách sạn, ô tô, xe máy
3.1.4.2	Ứng dụng phương pháp khai thác dữ liệu giá bất động sản từ các trang web	03142	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Chỉ số giá bất động sản một số nhóm của một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.4.3	Nghiên cứu áp dụng công nghệ khai thác dữ liệu lớn để biên soạn chỉ tiêu thống kê di cư nội địa từ nguồn dữ liệu điện thoại đi động	03143	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2025	2030	Báo cáo nghiên cứu
3.1.4.4	Nghiên cứu các giải pháp sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước phục vụ công tác thống kê	03144	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2025	2030	Báo cáo nghiên cứu
3.1.4.5	Rà soát, đánh giá và xác định danh mục dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê đối với hoạt động thông tin và truyền thông, ngân hàng, văn hóa, thể thao và du lịch	03145	Bộ Thông tin truyền thông; Ngân hàng NN; Bộ Văn hóa TTDL		2023	2030	Danh mục dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê đối với hoạt động thông tin và truyền thông, ngân hàng, văn hóa, thể thao và du lịch
3.1.4.6	Đề xuất giải pháp sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước phục vụ công tác thống kê	03146	Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bộ Thông tin truyền thông; Ngân hàng NN; Bộ Văn hóa TTDL	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; UBND cấp tỉnh; các cơ quan NN khác	2022	2030	Giải pháp sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước phục vụ công tác thống kê.
3.1.4.7	Áp dụng công nghệ khai thác dữ liệu lớn để biên soạn một số chỉ tiêu báo cáo phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành	03147	Bộ Thông tin truyền thông		2022	2030	Một số chỉ tiêu báo cáo phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của Bộ Thông tin truyền thông
3.2	Hiện đại hóa hoạt động quản trị dữ liệu	032					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.2.1	Quản trị dữ liệu theo hướng tập trung và mở	0321	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	
3.2.1.1	Nghiên cứu áp dụng mô hình, công nghệ quản trị dữ liệu tập trung	03211	Bộ, ngành	Bộ, ngành, UBND các tỉnh	2023	2030	- Báo cáo đánh giá, xác định phạm vi, nội dung dữ liệu quản lý tập trung trong hệ thống thống kê nhà nước; - Báo cáo đánh giá và xác định danh mục dữ liệu mở phục vụ công tác thống kê...; - Hệ thống quản trị dữ liệu hiện đại được thiết lập và đưa vào sử dụng, bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu
3.2.1.2	Nghiên cứu áp dụng mô hình, công nghệ chia sẻ dữ liệu	03212	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành, UBND các tỉnh	2023	2030	Báo cáo đánh giá, xác định phạm vi, nội dung, cách thức chia sẻ dữ liệu thống kê nhà nước
3.2.2	Xây dựng Đề án Xây dựng Cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	0322	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành, UBND các tỉnh	2022	2030	

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.2.2.1	Xây dựng Đề án tại Cơ quan Tổng cục Thống kê	03221	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành, UBND các tỉnh	2022	2022	- Báo cáo khảo sát, đánh giá thực trạng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thống kê tại bộ, ngành và địa phương; - Báo cáo đánh giá, xác định phạm vi, nội dung dữ liệu quản lý tập trung trong hệ thống thống kê nhà nước; - Quyết định phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia; - Kế hoạch triển khai Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia.
3.2.2.1.1	Khảo sát tại Bộ, ngành; sở, ngành thuộc UBND cấp tỉnh	032211	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành, UBND các tỉnh	2022	2022	Báo cáo khảo sát, đánh giá thực trạng cơ sở dữ liệu phục vụ công tác thống kê tại bộ, ngành và địa phương;
	Khảo sát tại Tổng cục Thống kê	032212	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2022	Báo cáo đánh giá, xác định phạm vi, nội dung dữ liệu quản lý tập trung trong hệ thống thống kê nhà nước;

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.2.2.1.3	Dự thảo đề cương và Đề án	032213	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh	2022	2022	Dự thảo Đề án
3.2.2.1.4	Xin ý kiến các đơn vị liên quan	032214	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh	2022	2022	Dự thảo Đề án
3.2.2.1.5	Hội thảo thống nhất ý kiến và trình ban hành	032215	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh	2022	2022	Đề án
3.2.2.1.6	Xây dựng kế hoạch và các Dự án để triển khai Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	032216	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh	2023	2030	Kế hoạch và các Dự án thuộc Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia
3.2.2.1.7	Thực hiện các Dự án thuộc Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	032217	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh	2023	2030	Kết quả của Dự án thuộc Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia
3.2.2.2	Xây dựng và triển khai Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu tại các Bộ, ngành	03222					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.2.2.2.1	Triển khai Đề án xây dựng Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính và Kiến trúc Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính theo Quyết định số 585/QĐ-BTC ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	032221	Bộ Tài chính		2022	2030	- Tiếp tục Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu tổng hợp về Tài chính giai đoạn 1; - Xây dựng các chính sách liên quan đến việc quản trị vòng đời của dữ liệu; - Các chính sách và quy trình bảo mật liên quan đến việc phân phối, truy cập và sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu tổng hợp về Tài chính.
3.2.2.2.2	Đề án Xây dựng Cơ sở dữ liệu thống kê ngành Kiểm sát	032222	Viện KSNDTC	Các đơn vị thuộc VKSNDTC, các VKS cấp cao, VKS địa phương	2023	2030	- Báo cáo khảo sát, đánh giá thực trạng cơ sở dữ liệu; - Báo cáo đánh giá, xác định phạm vi, nội dung dữ liệu quản lý tập trung trong hệ thống thống kê ngành KS; - Quyết định của Viện trưởng phê duyệt Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê Ngành KS; - Kế hoạch triển khai Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
+	Xây dựng Trung tâm dữ liệu thống kê và xây dựng cơ chế cung cấp, khai thác, chia sẻ dữ liệu thống kê của Trung tâm dữ liệu		Viện KSDTC		2022	2025	- Hình thành và vận hành cơ sở dữ liệu thống kê tập trung thống nhất; - Quy chế, quy định cung cấp dữ liệu thống kê; Quy chế quy định khai thác chia sẻ dữ liệu
3.2.2.2.3	Định kỳ cập nhật Cơ sở dữ liệu Thống kê ngành Công Thương và các Cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác thống kê	032223	Bộ Công Thương	Bộ, ngành	2022	2030	Cơ sở dữ liệu thống kê ngành Công Thương đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác chỉ đạo điều hành của Lãnh đạo Bộ, các cơ quan QLNN và người dùng tin
3.2.2.2.4	Xây dựng Kho dữ liệu chung của Đài THVN	032224	Đài Truyền hình VN		2025	2030	Kho dữ liệu chung của Đài THVN
3.2.2.2.5	Nâng cấp và mở rộng hệ thống Kho dữ liệu thống kê, phân tích nghiệp vụ Kho bạc; Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	032225	Bộ Tài chính		2022	2030	Hệ thống kho dữ liệu được nâng cấp và triển khai: (i) Giai đoạn 2021-2025: Hình thành Kho dữ liệu; (ii) Giai đoạn 2026-2030: tiếp tục cập nhật Kho dữ liệu
3.2.3	Xây dựng Trung tâm dữ liệu thống kê	0323	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2025	Hình thành và vận hành cơ sở dữ liệu thống kê tập trung, thống nhất
3.2.3.1	Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin trung tâm dữ liệu	03231	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Hệ thống hạ tầng CNTT
3.2.3.2	Xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê	03232	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	Cơ sở dữ liệu thống kê

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.2.3.3	Tích hợp các nguồn dữ liệu	03233	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	API nhận dữ liệu, cầu nối nhận dữ liệu, Hệ thống tích hợp dữ liệu từ các nguồn.
3.2.3.4	Chia sẻ dữ liệu thống kê với bộ, ngành và địa phương	03234	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Công Thương	Bộ, ngành	2022	2030	API chia sẻ dữ liệu
3.2.4	Xây dựng cơ chế cung cấp, khai thác, chia sẻ dữ liệu thống kê của Trung tâm dữ liệu	0324	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành			- Quy chế, quy định cung cấp dữ liệu thống kê; - Quy chế, quy định khai thác, chia sẻ dữ liệu.
3.2.4.1	Xây dựng các Quy chế quản lý, sử dụng và chia sẻ dữ liệu thống kê	03241	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2023	
3.2.4.1.1	Xác định thông tin, phạm vi, đối tượng cần cung cấp thông tin; Xác định tần suất, phương thức cung cấp thông tin	032411	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2022	Báo cáo xác định thông tin, phạm vi, đối tượng cần cung cấp thông tin; Xác định tần suất, phương thức cung cấp thông tin
3.2.4.1.2	Xây dựng dự thảo và xin ý kiến các đơn vị liên quan	032412	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2023	2023	Dự thảo quy chế quản lý, sử dụng và chia sẻ dữ liệu thống kê
3.2.4.1.3	Hoàn thiện và trình ban hành	032413	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2023	2023	Quy chế quản lý, sử dụng và chia sẻ dữ liệu thống kê

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4	Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê	04					
4.1	Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê	041					
4.1.1	Đổi mới và hiện đại hóa phương pháp xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê	0411	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Phương pháp, hình thức và công cụ xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê mới được áp dụng
4.1.1.1	Rà soát phiếu điều tra xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê, bổ sung hoặc loại bớt một số câu hỏi không phù hợp.	04111	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Thông tin truyền thông		2023	2030	Phiếu điều tra nhu cầu sử dụng thông tin thống kê được hoàn thiện.
4.1.1.2	Sử dụng webform để xác định nhu cầu thông tin thống kê của Hệ thống thống kê tập trung	04112	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2030	Điều tra xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê được thực hiện 100% bằng webform.
4.1.1.3	Xây dựng mục phản hồi của người dùng tin đối với các ấn phẩm thống kê trên trang thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê	04113	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2030	Mục phản hồi của người dùng tin về ấn phẩm thống kê được thiết kế

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.1.1.4	Nghiên cứu về Big data để tìm hiểu nhu cầu của người dùng tin	04114	Bộ Thông tin truyền thông		2022	2030	Nghiên cứu phương pháp luận, các công nghệ dữ liệu đặc biệt cho Big data như hệ sinh thái hadoop (phát triển mã nguồn mở cho máy tính, apache spark để tính toán cụm nguồn mở làm công cụ xử lý Big data, cơ sở dữ liệu trong bộ nhớ, cơ sở dữ liệu lưu trữ big data);
4.1.1.5	Tổ chức khảo sát mức độ hài lòng và nhu cầu của người dùng tin	04115	Bộ Công Thương		2022	2030	Xác định nhu cầu sử dụng thông tin thống kê
4.2	Nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê	042					
4.2.1	Nghiên cứu khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại	0421	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê hiện đại được nghiên cứu và đề xuất áp dụng
4.2.1.1	Nghiên cứu xây dựng khung lý thuyết, công cụ phân tích và dự báo (trong nước và quốc tế) để áp dụng thống nhất cho các chuyên đề phân tích và dự báo thống kê	04211	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Khung lý thuyết, công cụ phân tích chung về phân tích và dự báo thống kê được nghiên cứu và xây dựng
4.2.1.2	Lấy ý kiến chuyên gia để hoàn thiện đề cương chi tiết và các báo cáo phân tích và dự báo thống kê	04212	Bộ, ngành		2023	2030	Đề cương chi tiết, báo cáo PTDB được hoàn thiện theo ý kiến chuyên gia

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.2.2	Áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại	0422	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Số báo cáo/chuyên đề phân tích và dự báo áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại.
4.2.2.1	Áp dụng khung lý thuyết chung được xây dựng để thực hiện các hoạt động phân tích và dự báo thống kê	04221	Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh		Tháng 4/2021	2030	Các chuyên đề PTDB được áp dụng Khung phân tích chung
4.2.2.1.1	Lựa chọn cơ sở dữ liệu vi mô phù hợp với mục đích phân tích và dự báo	042211	Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh		2022	2030	Cơ sở dữ liệu vi mô (số liệu đầu vào)
4.2.2.1.2	Xây dựng đề cương chuyên đề phân tích dự báo theo phương pháp lựa chọn	042212	Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh		2022	2030	Đề cương chuyên đề
4.2.2.1.3	Triển khai biên soạn chuyên đề phân tích và dự báo thống kê	042213	Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh		2022	2030	Số báo cáo/chuyên đề phân tích và dự báo áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại.
4.2.2.2	Áp dụng công cụ phần mềm tiên tiến đã nghiên cứu để thực hiện các báo cáo phân tích và dự báo thống kê	04222	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Tháng 4/2021	2030	Các chuyên đề PTDB được áp dụng công cụ hiện đại
4.2.2.3	Tổ chức thu thập, sử dụng số liệu thống kê phục vụ công tác phân tích, dự báo của ngành, lĩnh vực phụ trách	04223	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ, ngành liên quan	2022	2030	Hệ thống số liệu thống kê phục vụ công tác phân tích, dự báo kinh tế vĩ mô, công tác kiểm sát

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.2.2.3.1	Tổ chức thu thập, sử dụng số liệu thống kê phục vụ công tác phân tích, dự báo kinh tế vĩ mô, công tác kiểm sát	042231	Bộ Tài chính; Viện KSDTC	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	Hệ thống số liệu thống kê phục vụ công tác phân tích, dự báo kinh tế vĩ mô, công tác kiểm sát
4.3	Đổi mới hoạt động biên soạn thông tin thống kê	043					
4.3.1	Đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê	0431	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Số lượng sản phẩm thông tin thống kê được biên soạn từ phương pháp mới
4.3.1.1	Rà soát lại các chỉ tiêu được biên soạn trong báo cáo KTXH tháng, quý, năm theo Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, Hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành, Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã được ban hành	04311	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Danh mục chỉ tiêu kinh tế - xã hội được rà soát theo Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia
4.3.1.2	Tăng cường biên soạn thông tin thống kê về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm, các chỉ tiêu kinh tế số, logistic trong các báo cáo KTXH tháng, quý, năm; các báo cáo phân tích và dự báo thống kê	04312	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Sản phẩm thông tin thống kê tổng hợp được biên soạn theo nội dung mới
4.3.1.3	Xây dựng quy trình biên soạn số liệu GDP, GRDP theo phương pháp sản xuất áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc	04313	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2022	Nghị định (Phụ lục 2)
4.3.1.4	Chuyển đổi năm gốc để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh	04314	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2020	2027	
4.3.1.4.1	Chuyển đổi năm gốc 2010 sang năm 2020 để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh	043141	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2020	2023	Bảng số liệu các chỉ tiêu theo giá so sánh năm 2020

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.1.4.2	Chuyển đổi năm gốc ngành công nghiệp	043142	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2027	Số liệu ngành công nghiệp được biên soạn theo năm gốc mới
4.3.1.5	Xây dựng kế hoạch áp dụng thống kê tài khoản quốc gia phiên bản năm 2008 (SNA 2008) và cập nhật SNA 2008 của Liên hợp quốc	04315	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2026	Kế hoạch áp dụng SNA 2008 được xây dựng
4.3.1.5.1	Triển khai thực hiện kế hoạch áp dụng thống kê tài khoản quốc gia phiên bản năm 2008 (SNA 2008) và cập nhật SNA 2008 của Liên hợp quốc	043151	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2030	- Báo cáo giải trình nội dung thay đổi - Bảng tính toán các thay đổi do cập nhật SNA 2008 - Ấn phẩm về phương pháp tính, phạm vi, nguồn thông tin của VN được cập nhật theo SNA 2008
4.3.1.5.2	Lập tài khoản hiện hành theo khu vực thể chế	043152	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2025	- Bảng số liệu tài khoản hiện hành theo khu vực thể chế; - Ấn phẩm tài khoản hiện hành theo khu vực thể chế được công bố
4.3.1.5.3	Lập tài khoản vốn - tài sản và tài chính theo khu vực thể chế	043153	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2026	2030	- Bảng số liệu tài khoản vốn - tài sản và tài chính theo khu vực thể chế; - Ấn phẩm tài khoản vốn - tài sản và tài chính theo khu vực thể chế được công bố

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.1.5.4	Lập Bảng cân đối liên ngành (Bảng IO)	043154	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	Theo chương trình điều tra TK quốc gia		- Bảng số liệu - Ấn phẩm công bố
4.3.1.5.5	Lập và cập nhật bảng nguồn và sử dụng (Bảng SUT)	043155	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành		Hàng năm	- Bảng số liệu
4.3.1.6	Hoàn thiện phương pháp luận và tính toán đóng góp TFP vào tăng trưởng kinh tế	04316	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành		Hàng năm	Phương pháp luận TFP được xây dựng và bảng số liệu được tính toán
4.3.1.7	Xây dựng phương pháp, nguồn thông tin đo lường đóng góp của kinh tế số trong GDP	04317	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành		Hàng năm	Phương pháp luận, nguồn thông tin đo lường kinh tế số trong GDP được xây dựng
4.3.1.8	Cập nhật và hoàn thiện các danh mục sản phẩm, đơn vị điều tra, bảng quyền số các loại chỉ số giá	04318	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2030	
4.3.1.8.1	Cập nhật và hoàn thiện danh mục sản phẩm hàng hóa và dịch vụ biên soạn chỉ số giá sản xuất	043181	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2030	Bảng danh mục sản phẩm đại diện tính chỉ số giá sản xuất được cập nhật hàng năm
4.3.1.8.2	Cập nhật đơn vị điều tra giá sản xuất	043182	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2030	Danh mục các đơn vị điều tra giá sản xuất được cập nhật hàng năm
4.3.1.8.3	Cập nhật bảng quyền số tính toán chỉ số giá sản xuất	043183	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2030	Bảng số liệu quyền số tính chỉ số giá sản xuất được cập nhật hàng năm
4.3.1.8.4	Biên soạn hệ thống chỉ số giá chi tiết theo yêu cầu của Vụ nghiệp Vụ	043184	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2030	Bảng số liệu

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.1.9	Cập nhật, hoàn thiện, đổi mới nội dung biên soạn thông tin thống kê phục vụ công tác quản lý chỉ đạo, điều hành của Bộ, các cuộc họp của Lãnh đạo Bộ	04311	Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Văn hóa TTDL; Bộ Công Thương	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Thông tin thống kê được trình bày đa dạng (biểu đồ, đồ thị, lời văn phân tích, âm thanh, hình ảnh,...) dưới dạng số, truy cập thuận lợi qua các thiết bị thông minh
4.3.2	Đổi mới hình thức và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động biên soạn thông tin thống kê	0432	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Hình thức và công cụ biên soạn thông tin thống kê mới được áp dụng
4.3.2.1	Xây dựng phần mềm biên soạn báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý, năm	04321	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 4/2021	2030	Phần mềm biên soạn báo cáo KTXH tháng, quý, năm được xây dựng
4.3.2.1.1	Xây dựng và chuẩn hóa maket của từng lĩnh vực kinh tế, xã hội để cung cấp thông tin đầu vào nhằm điện tử hóa maket;	043211	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 4/2021	2030	Maket các lĩnh vực kinh tế, xã hội được xây dựng và điện tử hóa
4.3.2.1.2	Nhập số liệu vào phần mềm, kiểm tra số liệu logic, cảnh báo các lỗi;	043212	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 10/2021	2030	Các lĩnh vực KTXH được nhập số liệu vào phần mềm hàng tháng, quý, năm
4.3.2.1.3	Tạo tài khoản và nhập số liệu	043213	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 3/2022	Tháng 3/2022	Các lĩnh vực KTXH được nhập số liệu vào phần mềm hàng tháng, quý, năm
4.3.2.2	Ứng dụng công cụ hiện đại để biên soạn thông tin thống kê dưới dạng video phục vụ họp báo kinh tế - xã hội quý, năm	04322	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2030	Các video thể hiện thông tin thống kê quý, năm được biên soạn phục vụ họp báo KTXH.
4.3.2.3	Xây dựng phần mềm thực hiện quy trình biên soạn và công bố GDP, GRDP	04323	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2023	Phần mềm quy trình biên soạn GDP được xây dựng

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.2.3.1	Xây dựng phần mềm quy trình biên soạn và công bố số liệu GDP quý, năm theo phương pháp sản xuất và phương pháp sử dụng cuối cùng	043231	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2023	Phần mềm quy trình biên soạn và công bố số liệu GDP quý, năm theo phương pháp sản xuất và phương pháp sử dụng cuối cùng
4.3.2.3.2	Xây dựng phần mềm quy trình biên soạn và công bố số liệu GRDP quý, năm của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo phương pháp sản xuất	043232	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2023	Phần mềm quy trình biên soạn và công bố số liệu GRDP quý, năm của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo phương pháp sản xuất
4.3.2.4	Đổi mới hình thức trong biên soạn thông tin thống kê tại cấp tỉnh	04324	UBND cấp tỉnh		2022	2030	Số lượng sản phẩm thông tin thống kê được đổi mới hình thức biên soạn
4.3.2.4.1	Xây dựng và chuẩn hóa maket các lĩnh vực kinh tế, xã hội để cung cấp thông tin đầu vào nhằm điện tử hóa maket	043241	UBND cấp tỉnh		2022	2030	Số lượng maket số liệu kinh tế - xã hội được chuẩn hóa theo phương pháp mới Các thông tin đầu vào được chuẩn hóa điện tử trên Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh (LRIS)
4.3.2.4.2	Xây dựng và chuẩn hóa maket biểu Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	043242	UBND cấp tỉnh			2023	Hệ thống biểu mẫu Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.2.4.3	Xây dựng phần mềm biên soạn báo cáo, phần mềm đồ họa để biên soạn báo cáo kinh tế - xã hội hàng tháng, quý, năm	043243	UBND cấp tỉnh		2023	2030	- Phần mềm biên soạn báo cáo kinh tế xã hội; - Xuất bản Niên giám Thống kê điện tử từ năm 2025-2030 (Hà Nội)
4.3.3	Biên soạn đầy đủ, chi tiết chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê	0433	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Số lượng các chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn đầy đủ chi tiết; - Năm 2025: 85% các chỉ tiêu thuộc các hệ thống chỉ tiêu thống kê được biên soạn và công bố theo tiêu chuẩn thống kê Việt Nam; - Năm 2030: 95%
4.3.3.1	Biên soạn đầy đủ các chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, hệ thống chỉ tiêu thống kê bộ, ngành và các Hệ thống chỉ tiêu thống kê khác được phân công	04331	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ, ngành	2022	2030	Báo cáo hàng năm
4.3.3.2	Rà soát, nghiên cứu xử lý các chỉ tiêu thuộc Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và các Hệ thống chỉ tiêu thống kê khác được phân công nhưng chưa biên soạn được	04332	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	Báo cáo theo đề xuất hàng năm
4.3.3.2.1	Nghiên cứu xử lý chỉ tiêu trị giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	043321	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2023	2030	Báo cáo theo đề xuất hàng năm
4.3.3.2.2	Nghiên cứu xử lý chỉ tiêu Doanh thu dịch vụ kinh doanh Bất động sản	043322	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2023	2030	Báo cáo theo đề xuất hàng năm

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.3.2.3	Nghiên cứu xử lý các chỉ tiêu về Công nghệ thông tin (Doanh thu dịch vụ CNTT; Doanh thu dịch vụ nền tảng số và kinh doanh trực tuyến)	043323	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2024	2030	Báo cáo theo đề xuất hàng năm
4.3.3.2.4	Nghiên cứu xử lý chỉ tiêu số lượt khách du lịch quốc tế đến Việt Nam	043324	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2025	2030	Báo cáo theo đề xuất hàng năm
4.3.3.3	Hoàn thiện phương pháp luận và biên soạn chỉ số giá sản xuất xây dựng và chỉ số giá tiền lương theo vị trí việc làm	04333	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Xây dựng	2022	2026	
4.3.3.3.1	Hoàn thiện phương pháp luận và biên soạn chỉ số giá sản xuất xây dựng	043331	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Xây dựng	2022	2025	Chỉ số giá sản xuất xây dựng
4.3.3.3.2	Hoàn thiện phương pháp luận và biên soạn chỉ số giá tiền lương theo vị trí việc làm	043332	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Tài chính và Bộ Nội vụ; Bộ LĐTBXH	2022	2026	Chỉ số giá tiền lương
4.3.3.4	Tăng cường sản xuất, biên soạn, công bố số liệu thống kê chuyên sâu thuộc lĩnh vực xã hội, môi trường và biến đổi khí hậu	04334	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	
4.3.3.4.1	Biên soạn số liệu thống kê trẻ em theo các chủ đề	043341	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành			Sách nhỏ về số liệu thống kê trẻ em, các chỉ tiêu thống kê về trẻ em được phổ biến rộng rãi trên trang web của TCTK
4.3.3.4.2	Tăng cường sản xuất, biên soạn, công bố số liệu thống kê giới hướng đến các chủ đề liên quan đến rà soát, vận động chính sách	043342	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành			Ấn phẩm sách và bản điện tử phổ biến trên trang web của TCTK

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.3.4.3	Biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia, VSDGs, thống kê thanh niên các chỉ tiêu thống kê khác thuộc lĩnh vực xã hội, môi trường, biến đổi khí hậu	043343	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh			Chỉ tiêu thống kê được biên soạn
4.3.3.5	Tăng cường sản xuất, biên soạn, công bố số liệu thống kê về lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài	04335	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành			Ấn phẩm sách và bản điện tử phổ biến trên trang web của TCTK
4.3.3.6	Nghiên cứu chỉ số niềm tin ngành công nghiệp	04336	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2025	Báo cáo nghiên cứu và tính thử nghiệm chỉ số niềm tin ngành công nghiệp
4.3.3.7	Hoàn thiện quy trình tính giá trị sản xuất ngành công nghiệp hàng quý	04337	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2025	Quy trình tính giá trị sản xuất ngành công nghiệp hàng quý
4.3.3.8	Thực hiện thu thập, biên soạn đầy đủ, chi tiết chỉ tiêu thuộc hệ thống chỉ tiêu thuộc các Lĩnh vực nghiệp vụ quản lý của Ngân sách, Kho bạc, Thuế, Hải quan, Chứng khoán, Dự trữ, Nợ công, Công sản, Giá, Bảo hiểm, Tài chính ngân hàng.	04338	Bộ Tài chính	Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh	2022	2030	Các bộ chỉ tiêu thống kê và biểu báo cáo thống kê trong các hoạt động nghiệp vụ được thu thập, cung cấp phục vụ công tác quản lý, công tác chỉ đạo điều hành.
4.3.3.9	Xây dựng hệ thống số liệu liên quan đến số thu thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt	04339	Bộ Tài chính	Bộ, ngành, UBND cấp tỉnh		Hàng năm	Hệ thống chỉ tiêu, biểu số liệu được thu thập liên quan đến số thu thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.4	Nâng cao chất lượng chỉ tiêu thống kê xã hội, môi trường và chỉ tiêu thống kê phản ánh năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế	0434	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	Số lượng chỉ tiêu thống kê xã hội, môi trường và chỉ tiêu thống kê phản ánh năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được biên soạn và công bố đầy đủ các phân tổ
4.3.4.1	Nâng cao chất lượng chỉ tiêu thống kê xã hội, môi trường	04341	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	
4.3.4.1.1	Hoàn thiện phương pháp ước tính chỉ tiêu về bảo vệ tài chính của hộ gia đình SDG 3.8.2 và biên soạn phân tích chuyên sâu liên quan đến bảo vệ tài chính của hộ gia đình	043411	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Y tế, Bảo hiểm	2022	2025	Chỉ tiêu SDG 3.8.2 được phổ biến trong các báo cáo quốc tế
4.3.4.1.2	Xây dựng phương pháp ước tính thu nhập bình quân đầu người từ hoạt động sản xuất kinh doanh cấp huyện	043412	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	UBND cấp tỉnh	2022	2030	Thu nhập bình quân đầu người từ sản xuất kinh doanh được tính cho cấp huyện (sử dụng phương pháp ước lượng nhỏ)
4.3.4.1.3	Nghiên cứu, xây dựng bản đồ các chỉ tiêu xã hội môi trường lồng ghép vào bản đồ dân số bao gồm các chỉ tiêu: tỷ lệ hộ nghèo, tỷ lệ trẻ em nghèo đa chiều, thống kê giới, chỉ số rủi ro khí hậu toàn cầu...	043413	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2023	2030	Các chỉ tiêu xã hội môi trường được lồng ghép vào nền tảng bản đồ dân số
4.3.4.1.4	Nâng cao chất lượng biên soạn các chỉ tiêu thống kê thuộc lĩnh vực xã hội, môi trường, biến đổi khí hậu	043414	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2023	2030	Chỉ tiêu thống kê thuộc lĩnh vực XHMT, biến đổi khí hậu được công bố

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.4.1.5	Hoàn thiện phương pháp ước tính chỉ tiêu về chi phí tuyển dụng của lao động Việt Nam ra nước ngoài làm việc SDG 10.7.1	043415	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2024	2025	Chỉ tiêu SDG 10.7.1 được phổ biến trong các báo cáo quốc tế
4.3.4.1.6	Xây dựng phương pháp ước tính chỉ số phát triển con người cho cấp tỉnh	043416	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Cục Thống kê tỉnh/TP trực thuộc TW	2022	2022	Chỉ số phát triển con người được tính cho cấp tỉnh
4.3.4.1.7	Nghiên cứu, xây dựng bản đồ các chỉ tiêu lao động việc làm, kế hoạch hóa gia đình lồng ghép vào bản đồ dân số	043417	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2023	2025	Các chỉ tiêu dân số, lao động được lồng ghép vào nền tảng bản đồ dân số
4.3.4.1.8	Nghiên cứu, hoàn thiện phương pháp tính chỉ tiêu "tỷ lệ đô thị hóa" theo tiêu chuẩn quốc tế, áp dụng đối với Việt Nam để tính toán chỉ tiêu "tỷ lệ đô thị hóa".	043418	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành địa phương	2022	2023	Chỉ tiêu 0115 Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia
4.4	Đổi mới hoạt động phổ biến thông tin thống kê	044					
4.4.1	Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê	0441	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê được đa dạng hóa
4.4.1.1	Sử dụng mạng xã hội (facebook, zalo), phương tiện truyền thông, trang web của các Bộ, ngành để phổ biến thông tin thống kê;	04411	Bộ, ngành	Bộ, ngành liên quan; UBND cấp tỉnh	2023	2030	Thông tin thống kê được phổ biến bằng hình thức mới.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.4.1.1.1	Tăng cường phổ biến thông tin thống kê đến người dùng tin trên website và Cổng thông tin điện tử	044111	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2022	2030	Thực hiện theo Quy chế công bố thông tin thống kê nhà nước
4.4.1.1.2	Tích hợp dữ liệu báo cáo thống kê quốc gia Ngành BHXH Việt Nam lên cổng thông tin báo cáo của Văn phòng chính phủ	044112	Bảo hiểm xã hội		2022	2030	Thông tin thống kê Ngành BHXH được tích hợp, chia sẻ
4.4.1.2	Phổ biến các thông tin thống kê theo các chỉ tiêu thống kê mới được quy định trong Nghị định quy định Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia (Theo Luật Thống kê năm 2021)	04412	Bộ, ngành		2022	2030	Thông tin thống kê các chỉ tiêu mới được phổ biến trong các ấn phẩm thống kê.
4.4.1.2.1	Xây dựng Tài liệu Phổ biến thông tin thống kê của ngành; Niên giám thống kê ngành	044121	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Hàng năm	Tài liệu Phổ biến thông tin thống kê ngành hàng năm; Niên giám thống kê ngành
4.4.1.3	Phổ biến thông tin thống kê trong các buổi họp báo của hệ thống thống kê tập trung bằng hình ảnh động thông qua các ứng dụng web	04413	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Thông tin thống kê bằng hình ảnh động được phổ biến
4.4.1.4	Phổ biến số liệu thống kê theo hình thức thân thiện với người dùng tin (trên các nền tảng và hình thức biên soạn infographic, bảng, biểu đồ thị phù hợp với số liệu nhiều năm)	04414	Bộ Kế hoạch và Đầu tư; UBND cấp tỉnh	Bộ, ngành			Số sản phẩm thống kê được phổ biến rộng rãi trên trang web của TCTK, của UBND cấp tỉnh
4.4.1.5	Xây dựng Quy chế phổ biến, cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh/thành phố	04415	UBND cấp tỉnh		2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành Quy chế phổ biến, cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê thông tin thống kê nhà nước trên địa bàn tỉnh/thành phố

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.4.1.6	Tăng cường phổ biến thông tin về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm	04416	UBND cấp tỉnh		2022	2030	Thông tin về vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm được phổ biến trong buổi họp báo, ấn phẩm, website...
4.4.1.7	Xây dựng, cập nhật, nâng cấp trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống thống kê tập trung	04417	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	UBND cấp tỉnh	2022	2030	Website của các cơ quan, đơn vị trong hệ thống thống kê tập trung được xây dựng, cập nhật.
4.4.2	Xây dựng cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê	0442	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2023	2024	Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê được vận hành
4.4.2.1	Khảo sát thực trạng và nhu cầu xây dựng cổng TTĐT	04421	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2023	2023	Báo cáo đánh giá thực trạng, nhu cầu xây dựng cổng TTĐT
4.4.2.2	Xây dựng yêu cầu chức năng, yêu cầu giải pháp kỹ thuật, công nghệ	04422	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2023	2024	Yêu cầu chức năng, yêu cầu giải pháp kỹ thuật, công nghệ
4.4.2.3	Xây dựng các chức năng của cổng thông tin điện tử theo yêu cầu	04423	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2024	2025	Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thống kê
4.4.3	Hoàn thành và đưa khai thác, sử dụng Đề án Xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử	0443	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			2022	Đề án Xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử được ban hành và triển khai

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.5	Đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức vai trò, tầm quan trọng của công tác thống kê	045					
4.5.1	Đa dạng hóa hình thức và phương tiện truyền thông về vai trò, tầm quan trọng của công tác thống kê	0451	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh			- Kế hoạch tuyên truyền; Tài liệu tuyên truyền; Các bài viết trên báo in, báo điện tử; - Các phóng sự, chuyên đề trên truyền hình, đài tiếng nói Việt Nam.
4.5.1.1	Tổ chức các cuộc hội nghị phổ biến kiến thức thống kê, tập huấn chuyên đề, chuyên môn	04511	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	Sô hội nghị, tập huấn
4.5.1.2	Tổ chức tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng: báo in, báo điện tử, sóng phát thanh, truyền hình.	04512	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	Số buổi phát thanh, truyền hình, số bài báo tuyên truyền về công tác thống kê
4.5.1.2.1	Tổ chức chuyên đề tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng ngoài ngành: báo in, báo điện tử, sóng phát thanh, truyền hình, theo nhóm chủ đề: Hoàn thiện thể chế; Các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê; Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý, quản trị dữ liệu; Tư liệu hóa, chuyển đổi số công tác thống kê	045121	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	Phóng sự, bài viết, các sản phẩm truyền thông đa phương tiện...

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
+	Đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức vai trò, tầm quan trọng của thống kê bộ ngành		Viện KSNDTC	Các đơn vị thuộc VKSNDTC, các VKS cấp cao, VKS địa phương	2023	Hàng năm	Kế hoạch tuyên truyền; Tài liệu tuyên truyền; Các bài viết trên báo in, báo điện tử; Các phóng sự, chuyên đề trên truyền hình Kiểm sát nhân dân
4.5.1.2.2	Tổ chức chuyên đề tuyên truyền trên phương tiện truyền thông của Ngành: website, Tạp chí (in, điện tử)...	045122	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Phóng sự, bài viết, videoclip, file MP3 và các sản phẩm truyền thông đa phương tiện khác...
4.5.1.2.3	Xuất bản ấn phẩm chuyên san theo các nhóm chuyên đề: Hoàn thiện thể chế; Các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê; Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý, quản trị dữ liệu; Tư liệu hóa, chuyển đổi số công tác thống kê	045123	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ ngành, địa phương	2022	2030	Bài viết, hình ảnh
4.5.1.2.4	Tăng cường phổ biến các công trình nghiên cứu khoa học liên quan đến kinh tế, phương pháp luận thống kê trên Tạp chí CSSK in/tạp chí điện tử	045124	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ ngành, địa phương	2022	2030	Bài viết, công trình khoa học
4.5.1.2.5	Mở cửa sổ điện tử trên tạp chí điện tử theo nhóm chuyên đề: Hoàn thiện thể chế; Các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê; Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý, quản trị dữ liệu; Tư liệu hóa, chuyển đổi số công tác thống kê	045134	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ ngành, địa phương	2022	2030	Bài viết, hình, phim, file MP3, đồ họa

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.5.1.3	Tổ chức tuyên truyền trên các ấn phẩm thống kê và các hình thức, phương tiện khác	04513	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Sổ tay, tài liệu, ấn phẩm
4.5.1.3.1	Biên soạn, xuất bản, phát hành tài liệu tuyên truyền về Luật Thống kê 2015, Luật thống kê sửa đổi bổ sung và các văn bản hướng dẫn thi hành	045131	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			2022	Ấn phẩm
4.5.1.3.2	Tổ chức các buổi họp báo chuyên đề, giới thiệu kết quả các cuộc điều tra, TĐT, sản phẩm thống kê	045132	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Họp báo, Hội nghị
4.5.2	Sử dụng các phương tiện truyền thông xã hội để phổ biến, giáo dục pháp luật về thống kê, kiến thức và kỹ năng sử dụng thông tin thống kê	0452	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	Các tài khoản chính thức trên các phương tiện truyền thông xã hội; Các clip ngắn, các bài giảng về Luật Thống kê, về kiến thức và kỹ năng sử dụng thông tin thống kê
4.5.2.1	Xây dựng phim ngắn, file MP3, bài viết tuyên truyền trên các trang mạng xã hội uy tín của một số cơ quan nhà nước, tổ chức chính phủ để phổ biến, giáo dục pháp luật về thống kê, kiến thức và kỹ năng sử dụng thông tin thống kê...	04521	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2025	2030	Bài viết, phóng sự, phỏng vấn, phim ngắn, file MP3
4.5.3	Tăng cường tương tác với người cung cấp và người sử dụng thông tin thống kê	0453	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	-Số lần tương tác; -Ý kiến phản hồi; -Các tài liệu hướng dẫn.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.5.3.1	Tăng cường phản hồi về thông tin thống kê của người dùng tin (qua email, điện thoại, công văn...)	04531	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 1/2021	2030	Số lần phản hồi người dùng tin
4.5.3.2	Tổ chức Hội nghị người dùng tin thống kê	04532	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2030	Hội nghị được tổ chức
5	Đẩy nhanh tư liệu hóa, chuyển đổi số trong công tác thống kê	05					
5.1	Nghiên cứu, đề xuất xây dựng sửa đổi quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để đảm bảo thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê	051					
5.1.1	Rà soát, cập nhật các quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để đảm bảo thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê	0511	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	Báo cáo tổng kết, đánh giá các quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để đảm bảo thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê
5.1.2	Xây dựng Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia	0512	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2022	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia
5.1.2.1	Khảo sát tại Bộ, ngành, sở, ngành thuộc UBND cấp tỉnh	05121	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2022	Báo cáo khảo sát, đánh giá thực trạng tư liệu hóa và chuyển đổi số phục vụ công tác thống kê tại bộ, ngành và địa phương;

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.1.2.2	Khảo sát tại Tổng cục Thống kê	05122	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2022	Báo cáo đánh giá, xác định phạm vi, nội dung tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê nhà nước;
5.1.2.3	Dự thảo đề cương và Đề án	05123	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2022	Dự thảo Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia
5.1.2.4	Xin ý kiến các đơn vị liên quan	05124	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2022	Các văn bản góp ý vào Dự thảo Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia
5.1.2.5	Hội thảo thống nhất ý kiến và trình ban hành	05125	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2022	Đề án Tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia
5.1.2.6	Xây dựng kế hoạch và các Dự án để triển khai Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia	05126	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2023	2030	Kế hoạch và các Dự án thuộc Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia
5.1.2.7	Thực hiện các Dự án thuộc Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia	05127	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2023	2030	Kết quả của Dự án thuộc Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia
5.2	Xây dựng cơ sở hạ tầng tạo nền tảng chuyển đổi số trong công tác thống kê	052					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.2.1	Xây dựng cơ sở hạ tầng tạo nền tảng chuyển đổi số	0521	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ Thông tin và Truyền thông	2022	2030	- Báo cáo đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin tại hệ thống thống kê tập trung; - Báo cáo đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin tại bộ, ngành và địa phương phục vụ công tác thống kê; - Báo cáo đánh giá về các nền tảng số phục vụ thu thập thông tin thống kê.
5.2.1.1	Đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin, nền tảng số phục vụ công tác thống kê	05211	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	- Báo cáo đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin tại hệ thống thống kê tập trung; - Báo cáo đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin tại bộ, ngành và địa phương phục vụ công tác thống kê; - Báo cáo đánh giá về các nền tảng số phục vụ thu thập thông tin thống kê.
5.2.1.1.1	Đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin, nền tảng số phục vụ công tác thống kê tập trung	052111	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2022	Báo cáo đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin tại hệ thống thống kê tập trung
5.2.1.1.2	Đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin, nền tảng số phục vụ công tác thống kê tại Bộ, ngành và địa phương	052112	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2022	Báo cáo đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin tại bộ, ngành và địa phương

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.2.1.2	Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin bảo đảm an toàn, an ninh mạng, có khả năng tự sàng lọc, phát hiện tấn công, bảo vệ ở mức cơ bản	05212	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	Hệ thống hạ tầng CNTT
5.2.1.3	Xây dựng các nền tảng số phục vụ hoạt động sản xuất thông tin thống kê, đặc biệt là hoạt động thu thập thông tin	05213	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	Báo cáo đánh giá về các nền tảng số phục vụ thu thập thông tin thống kê
5.2.2	Tập trung nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật, chuỗi khối... vào công tác thống kê	0522	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	- Phần mềm quản lý công việc; - Phần mềm quản lý họp, hội thảo; - Phần mềm quản lý đăng ký đi công tác; - Phần mềm quản lý Kiến nghị; - Phần mềm quản lý công tác cán bộ; - Phần mềm quản lý tài chính; - Phần mềm phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra; - Giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật, chuỗi khối... vào công tác thống kê.
5.2.2.1	Ứng dụng công nghệ điện toán đám mây triển khai các hệ thống thông tin thống kê	05221	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2030	Triển khai phần mềm ứng dụng công nghệ điện toán đám mây

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.2.2.2	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ internet vạn vật, chuỗi khối... vào công tác thống kê	05222	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2030	Giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, internet vạn vật, chuỗi khối... vào công tác thống kê
5.2.3	Chuyển đổi số trong công tác chỉ đạo điều hành	0523	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2025	
5.2.3.1	Nâng cấp hoàn thiện phần mềm quản lý công việc	05231	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			2024	Phần mềm quản lý công việc được nâng cấp, hoàn thiện
5.2.3.2	Nâng cấp hoàn thiện phần mềm quản lý cuộc họp	05232	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			2025	Phần mềm quản lý cuộc họp được nâng cấp, hoàn thiện
5.2.3.3	Nâng cấp hoàn thiện phần mềm quản lý phòng họp	05233	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			2025	Phần mềm quản lý phòng họp được nâng cấp, hoàn thiện
5.2.3.4	Nâng cấp hoàn thiện phần mềm quản lý tài liệu	05234	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			2025	Phần mềm quản lý tài liệu được nâng cấp, hoàn thiện
5.2.3.5	Nâng cấp hoàn thiện phần mềm danh bạ điện thoại điện tử	05235	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			2025	Phần mềm danh bạ điện thoại điện tử tài liệu được nâng cấp, hoàn thiện
5.2.3.6	Xây dựng phần mềm quản lý kiến nghị	05236	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			2022	Phần mềm quản lý kiến nghị
5.2.3.7	Xây dựng phần mềm quản lý đăng ký đi công tác	05237	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			2022	Phần mềm quản lý đăng ký đi công tác
5.2.3.8	Xây dựng phần mềm Dash Board phục vụ chỉ đạo điều hành	05238	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2023	Phần mềm Dash Board
5.2.3.9	Kết nối phần mềm quản lý công việc với phần mềm quản lý văn bản	05239	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			2023	Phần mềm được kết nối

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.2.3.10	Đề án chuyển đổi số trong hệ thống thống kê ngành Kiểm sát; Kế hoạch triển khai Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia	05240	Viện KSNĐTC		2023	2030	Quyết định của Viện trưởng phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong hệ thống thống kê ngành Kiểm sát; Kế hoạch triển khai Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia
5.3	Tư liệu hóa công tác thống kê	053	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	
5.3.1	Thực hiện thường xuyên, liên tục việc ghi chép, ghi nhận hoạt động trong lĩnh vực thống kê	0531	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	- Kiến trúc tổng thể của Tổng cục Thống kê được cập nhật; - Cổng thông tin điện tử.
5.3.1.1	Rà soát cập nhật Kiến trúc tổng thể của Tổng cục Thống kê	05311	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Kiến trúc tổng thể của Tổng cục Thống kê được cập nhật
5.3.1.2	Thực hiện cập nhật lưu trữ công tác chỉ đạo điều hành trên cổng thông tin điện tử	05312	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2030	Cơ sở dữ liệu lưu trữ công tác chỉ đạo điều hành trên cổng thông tin điện tử

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.3.1.3	Hiện đại hóa Thư viện Tổng cục thống kê	05313	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	- Quy trình vận hành hệ thống thư viện điện tử và thư viện truyền thống: quản lý tài liệu, quản lý bạn đọc. - Cơ sở vật chất thư viện bảo đảm là nơi lưu trữ lâu dài các ấn phẩm, tư liệu của Ngành thống kê; - Phần mềm quản lý công tác quản lý thư viện, quản lý bạn đọc; - Phần mềm phục vụ bạn đọc trên môi trường internet.
5.3.2	Chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ và quản lý trên không gian mạng	0532	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	- Quy trình hoạt động thống kê được chuẩn hóa; - Cơ sở dữ liệu về các tài liệu được số hóa; - Sách điện tử.
5.3.2.1	Chỉnh lý tài liệu lưu trữ	05321	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Hàng năm	Tài liệu lưu trữ được chỉnh lý hoàn chỉnh
5.3.2.2	Số hóa tài liệu lưu trữ	05322	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Hàng năm	Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ được cập nhật

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.3.2.3	Nâng cấp phần mềm tra cứu tài liệu lưu trữ	05323	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2023	Phần mềm tra cứu tài liệu sử dụng trong toàn Ngành
5.3.2.4	Kết nối phần mềm tra cứu tài liệu lưu trữ với phần mềm quản lý văn bản	05324	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2023	Phần mềm được kết nối
5.3.3	Tư liệu hóa công tác tuyên truyền, thanh tra, kiểm tra, xử phạt hành chính	0533	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2020	- Quy trình được chuẩn hóa - Xây dựng cơ sở dữ liệu để số hóa; đưa thông tin, lưu trữ thông tin
6	Mở rộng, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động hợp tác quốc tế, thống kê nước ngoài trong công tác thống kê	06					
6.1	Mở rộng, nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác quốc tế	061	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	
6.1.1	Duy trì và tăng cường quan hệ hợp tác song phương, đa phương với các cơ quan thống kê, tổ chức quốc tế, đối tác phát triển	0611	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	
6.1.1.1	Duy trì quan hệ hợp tác với các cơ quan thống kê	6111	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	
6.1.1.1.1	Duy trì và tăng cường quan hệ hợp tác với Cơ quan Thống kê Hàn Quốc	061111	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	- Kế hoạch hợp tác quốc tế hàng năm
6.1.1.1.2	Duy trì và tăng cường quan hệ hợp tác với Cơ quan Thống kê Nhật Bản	061112	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.1.1.1.3	Duy trì và tăng cường quan hệ hợp tác với Cơ quan Thống kê I-ta-li-a	061113	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các đơn vị thuộc TCTK; Bộ, ngành	2021	2030	năm với cơ quan thống kê Hàn Quốc, Nhật Bản, I-ta-li-a, Đan Mạch, Thổ Nhĩ Kỳ, Lào và Cam pu chia được ban hành;
6.1.1.1.4	Duy trì và tăng cường quan hệ hợp tác với Cơ quan Thống kê Đan Mạch	061114	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các đơn vị thuộc TCTK; Bộ, ngành	2021	2030	- Số lượng các cuộc họp xúc tiến hợp tác song phương và đa phương với cơ quan thống kê Hàn Quốc, Nhật Bản, I-ta-li-a, Đan Mạch, Thổ
6.1.1.1.5	Duy trì và tăng cường quan hệ hợp tác với Cơ quan Thống kê Thổ Nhĩ Kỳ	061115	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Nhĩ Kỳ, Lào và Cam pu chia;
6.1.1.1.6	Duy trì và tăng cường quan hệ hợp tác với Cơ quan Thống kê Lào	061116	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Các đơn vị thuộc TCTK; Bộ, ngành	2021	2030	- Số lượng các quốc gia có trình độ thống kê phát triển, tổ chức quốc tế, đối tác phát triển tài trợ/cung cấp hỗ trợ trên các lĩnh vực thống kê;
6.1.1.1.7	Duy trì và tăng cường quan hệ hợp tác với Cơ quan Thống kê Cam-pu-chia	061116	HTQT	Các đơn vị thuộc TCTK; Bộ, ngành	2021	2030	- Số lượng đoàn/công chức Thống kê Việt Nam tham gia hội thảo quốc tế/học tập, trao đổi kinh nghiệm với các nước;
							- Số lượng các Hiệp định/Biên bản ghi nhớ/Thỏa thuận hợp tác song phương và đa phương được ký kết;
							- Số lượng các đoàn đối tác nước ngoài vào làm việc về thống kê.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.1.1.1.8	Duy trì và tăng cường quan hệ hợp tác với cơ quan thống kê các nước khác	061117	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	- Kế hoạch hợp tác quốc tế hàng năm được ban hành; - Số lượng các cuộc họp xúc tiến hợp tác song phương và đa phương với các cơ quan thống kê quốc gia; - Số lượng các cơ quan thống kê quốc gia tài trợ/cung cấp hỗ trợ trên các lĩnh vực thống kê; - Số lượng đoàn/công chức Thống kê Việt Nam tham gia hội thảo quốc tế/học tập, trao đổi kinh nghiệm với cơ quan thống kê quốc gia các nước; - Số lượng các Hiệp định/Biên bản ghi nhớ/Thỏa thuận hợp tác song phương và đa phương được ký kết với các cơ quan thống kê quốc gia; - Số lượng các đoàn cơ quan thống kê quốc gia vào Việt Nam làm việc về thống kê; - Số lượng cuộc họp/đào tạo trực tuyến giữa hai cơ quan thống kê.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.1.1.2	Duy trì và tăng cường quan hệ hợp tác song phương, đa phương với các tổ chức quốc tế, các đối tác phát triển	06112	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	- Kế hoạch hợp tác quốc tế hàng năm được ban hành; - Số lượng các cuộc họp xúc tiến hợp tác song phương và đa phương; - Số lượng các tổ chức quốc tế, đối tác phát triển tài trợ/cung cấp hỗ trợ trên các lĩnh vực thống kê; - Số lượng đoàn/công chức Thống kê Việt Nam tham gia hội thảo quốc tế/học tập, trao đổi kinh nghiệm từ nguồn tài trợ của các tổ chức quốc tế, đối tác phát triển; - Số lượng các dự án do các tổ chức quốc tế, đối tác phát triển tài trợ.
6.1.1.2.1	Duy trì và tăng cường quan hệ hợp tác với các tổ chức thuộc Liên hợp quốc (Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP), Quỹ Dân số Liên hợp quốc (UNFPA), Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), Quỹ Phát triển Phụ nữ Liên hợp quốc (UNWOMEN), Tổ chức Nông lương Liên hợp quốc (FAO),...)	061121	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	
6.1.1.2.2	Duy trì và tăng cường quan hệ hợp tác với các tổ chức quốc tế khác (Ngân hàng Thế giới (WB), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), WHO, ESCAP, APO, ILO, GIZ...)	061122	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	
6.1.1.2.3	Duy trì và tăng cường quan hệ hợp tác với các đối tác phát triển (Viện Thống kê và Nghiên cứu kinh tế Pháp -INSEE, Bộ Kinh tế và Tài chính Hàn Quốc, Viện Phát triển Hàn Quốc (KDI), ...)	061123	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	
6.1.1.2.4	Duy trì và tăng cường hợp tác song phương, đa phương với Thống kê Châu Âu (Eurostat), Thống kê Liên hợp quốc (UNSD)	061124	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	
6.1.1.2.5	Duy trì và tăng cường hợp tác song phương, đa phương với các tổ chức quốc tế, các đối tác phát triển khác	061125	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.1.2	Tham gia tích cực, có trách nhiệm vào các hoạt động của thống kê Liên hợp quốc và khu vực	0612	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Số các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, khóa đào tạo của Thống kê Liên hợp quốc và thống kê khu vực ASEAN được Tổng cục Thống kê tham gia Số người được cử tham gia các Ban chỉ đạo, Nhóm công tác của Thống kê Liên hợp quốc và thống kê khu vực; Số nhóm công tác và số lĩnh vực thống kê chuyên ngành mà Tổng cục Thống kê là thành viên hoặc tham gia;
6.1.2.1	Tham gia tích cực, có trách nhiệm vào các Nhóm công tác của Thống kê Liên hợp quốc và khu vực	06121	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Số người được cử tham gia các Ban chỉ đạo, Nhóm công tác của Thống kê Liên hợp quốc và thống kê khu vực.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.1.2.1.1	Tham gia tích cực, có trách nhiệm vào các Ban chỉ đạo/Nhóm công tác của Thống kê Liên hợp quốc	061211	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	- Số người được cử tham gia các Ban chỉ đạo, Nhóm công tác của Thống kê Liên hợp quốc; - Số nhóm công tác và số lĩnh vực thống kê chuyên ngành mà Tổng cục Thống kê là thành viên hoặc tham gia.
6.1.2.1.2	Tham gia tích cực, có trách nhiệm vào các Ban chỉ đạo/Nhóm công tác của Thống kê khu vực	061212	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	- Số người được cử tham gia các Ban chỉ đạo, Nhóm công tác của Thống kê khu vực. - Số nhóm công tác và số lĩnh vực thống kê chuyên ngành mà Tổng cục Thống kê là thành viên hoặc tham gia.
6.1.2.2	Tham gia tích cực, có trách nhiệm vào các hoạt động của Thống kê Liên hợp quốc và khu vực	06122	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Số các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, khóa đào tạo của Thống kê Liên hợp quốc và thống kê khu vực ASEAN được Tổng cục Thống kê tham gia.
6.1.2.2.1	Tham gia tích cực, có trách nhiệm vào các hoạt động của Thống kê Liên hợp quốc (tham dự Kỳ họp hàng năm của Ủy ban Thống kê Liên hợp quốc; tham dự các cuộc hội nghị, hội thảo chuyên ngành,... của Thống kê Liên hợp quốc)	061221	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Số các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, khóa đào tạo của Thống kê Liên hợp quốc được Tổng cục Thống kê tham gia

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.1.2.2.2	Tham gia tích cực, có trách nhiệm vào các hoạt động của Thống kê khu vực (tham dự Kỳ họp hàng năm của Thống kê ASEAN; tham dự các hội nghị, hội thảo, góp ý các tài liệu của Thống kê ASEAN, ESCAP,...)	061222	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Số các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, khóa đào tạo của Thống kê khu vực được Tổng cục Thống kê tham gia
6.1.3	Đẩy mạnh cung cấp hỗ trợ kỹ thuật cho các quốc gia trong khu vực và trên thế giới	0613	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Số lượng các đoàn khảo sát được Tổng cục Thống kê tiếp nhận; Số lượng đoàn/công chức Thống kê Việt Nam đi giảng dạy, chia sẻ kinh nghiệm, cung cấp đào tạo thống kê cho các quốc gia trong khu vực và trên thế giới; Số lượng các khóa đào tạo thống kê được cung cấp bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến;
6.1.3.1	Tiếp nhận các đoàn khảo sát của các cơ quan thống kê các nước trong khu vực và trên thế giới	06131	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Số lượng các đoàn khảo sát được Tổng cục Thống kê tiếp nhận
6.1.3.2	Tiếp nhận và tổ chức các khóa đào tạo về thống kê cho các quốc gia trong khu vực và trên thế giới	06132	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Số lượng các khóa đào tạo thống kê được cung cấp bằng hình thức trực tiếp hoặc trực tuyến

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.1.3.3	Giảng dạy, chia sẻ kinh nghiệm, cung cấp đào tạo thống kê cho các quốc gia trong khu vực và trên thế giới	06133	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Số lượng đoàn/công chức Thống kê Việt Nam đi giảng dạy, chia sẻ kinh nghiệm, cung cấp đào tạo thống kê cho các quốc gia trong khu vực và trên thế giới
6.1.3.3.1	Giảng dạy, chia sẻ kinh nghiệm, cung cấp đào tạo thống kê cho Thống kê Campuchia, Thống kê Lào, Thống kê Myanmar	061331	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Số lượng đoàn/công chức Thống kê Việt Nam đi giảng dạy, chia sẻ kinh nghiệm, cung cấp đào tạo thống kê cho Thống kê Lào, Thống kê Campuchia, Thống kê Myanmar
6.1.3.3.2	Giảng dạy, chia sẻ kinh nghiệm, cung cấp đào tạo thống kê cho các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới	061332	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Số lượng đoàn/công chức Thống kê Việt Nam đi giảng dạy, chia sẻ kinh nghiệm, cung cấp đào tạo thống kê cho các quốc gia khác trong khu vực và trên thế giới;

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.1.4	Tăng cường nâng cao vị thế Thống kê Việt Nam trong cộng đồng thống kê khu vực và thế giới	0614	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2030	- Số lượng các ấn phẩm quảng bá hình ảnh của Thống kê Việt Nam được phổ biến tới các nước và các tổ chức quốc tế; - Video clip giới thiệu Thống kê Việt Nam được trình chiếu tại các hội nghị, hội thảo, cuộc họp quốc tế trong và ngoài nước; - Số lượng hội nghị, hội thảo quốc tế về thống kê do TCTK VN đăng cai/phối hợp tổ chức.
6.1.4.1	Phổ biến các ấn phẩm quảng bá hình ảnh Thống kê Việt Nam tới các nước và các tổ chức quốc tế	06141	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2030	Số lượng các ấn phẩm quảng bá hình ảnh của Thống kê Việt Nam được phổ biến tới các nước và các tổ chức quốc tế
6.1.4.2	Xây dựng và trình chiếu clip giới thiệu Thống kê Việt Nam tại các hội nghị, hội thảo, cuộc họp quốc tế trong và ngoài nước	06142	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2030	Video clip giới thiệu Thống kê Việt Nam được trình chiếu tại các hội nghị, hội thảo, cuộc họp quốc tế trong và ngoài nước

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.1.4.3	Đăng cai/ phối hợp tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế về thống kê tại Việt Nam	06143	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2030	Số lượng hội nghị, hội thảo quốc tế về thống kê do Tổng cục Thống kê Việt Nam đăng cai/phối hợp tổ chức
6.2	Nâng cao chất lượng công tác thống kê nước ngoài, đảm bảo so sánh quốc tế	062	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2030	
6.2.1	Đẩy mạnh biên soạn và phổ biến thông tin thống kê Việt Nam cho quốc tế	0621	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Thông tin, bảng biểu số liệu thống kê của Việt Nam được biên soạn theo chuẩn mực chung của từng chương trình tham gia và phổ biến/cung cấp kịp thời, đầy đủ cho các đối tượng dùng tin quốc tế; Số lượng các chương trình thống kê khu vực và quốc tế được Tổng cục Thống kê/bộ, ngành cung cấp thông tin thống kê của Việt Nam.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.2.2	Thu thập, biên soạn, phổ biến số liệu và kiến thức thống kê của các nước và các Tổ chức quốc tế cho người dùng tin trong nước	0622	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2030	- Các báo cáo, bảng biểu số liệu thống kê, Niên giám Thống kê, các ấn phẩm thống kê được biên soạn và phổ biến/cung cấp kịp thời; - Các tài liệu về thống kê quốc tế được biên soạn và phổ biến/cung cấp kịp thời; - Số lượng tài liệu, báo cáo của các đoàn đi công tác nước ngoài được lưu trữ và sử dụng.
6.2.2.1	Biên soạn, phổ biến thông tin thống kê về tình hình kinh tế- xã hội phục vụ báo cáo quý, năm và các yêu cầu đột xuất khác của Tổng cục	06221	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2030	Báo cáo, bảng biểu số liệu thống kê
6.2.2.2	Biên soạn, phổ biến thông tin thống kê của các nước phục vụ Niên giám thống kê hàng năm	06222	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2030	Niên giám thống kê (phần Số liệu thống kê nước ngoài)
6.2.2.3	Biên soạn, phổ biến thông tin thống kê của các nước cho các ấn phẩm thống kê	06223	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2030	Ấn phẩm
6.2.2.3.1	Biên soạn, phổ biến thông tin thống kê của các nước phục vụ sách "Số liệu kinh tế-xã hội các quốc gia thành viên ASEAN giai đoạn 2000-2020"	062231	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		3/2022	Tháng 12/2022	Sách KTXH các quốc gia thành viên ASEAN giai đoạn 2000-2020
6.2.2.3.2	Biên soạn, phổ biến thông tin thống kê của các nước phục vụ Sách "Số liệu kinh tế - xã hội các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới"	062232	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		3/2025	Tháng 12/2025	Sách KTXH các quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.2.2.4	Lưu trữ và phổ biến báo cáo của các đoàn đi công tác nước ngoài (hội nghị, hội thảo quốc tế; đoàn khảo sát)	06224	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2030	Các báo cáo chuyển công tác nước ngoài
6.2.3	Nghiên cứu, thu thập, phổ biến các đánh giá, xếp hạng và xu hướng phát triển hoạt động thống kê của các tổ chức quốc tế đối với Thống kê Việt Nam	0623	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2030	Nhận định, đánh giá, xếp hạng vị thế của thống kê Việt Nam của các tổ chức quốc tế trên các lĩnh vực thống kê được phổ biến rộng rãi trong Hệ thống Thống kê Việt Nam; Báo cáo/đề tài về xu hướng phát triển hoạt động thống kê được phổ biến rộng rãi trong Hệ thống Thống kê Việt Nam.
6.2.3.1	Đánh giá, xếp hạng của Ngân hàng Thế giới đối với thống kê Việt Nam	06231	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2030	Báo cáo đánh giá của Ngân hàng Thế giới
6.2.3.2	Đánh giá, xếp hạng của tổ chức quốc tế khác đối với thống kê Việt Nam trên thế giới	06232	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2030	Báo cáo đánh giá của các tổ chức quốc tế khác
6.2.3.3	Nghiên cứu, thu thập, phổ biến các xu hướng phát triển hoạt động thống kê của các tổ chức quốc tế để áp dụng đối với Thống kê Việt Nam	06233	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2030	Báo cáo/đề tài về xu hướng phát triển hoạt động thống kê được phổ biến rộng rãi trong Hệ thống Thống kê Việt Nam
6.3	Tăng cường vận động, sử dụng hiệu quả hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ các quốc gia và các tổ chức quốc tế cho việc thực hiện CLTK21-30	063	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.3.1	Huy động hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ các cơ quan Thống kê quốc gia và các tổ chức quốc tế, định chế tài chính cho việc thực hiện CLTK21-30	0631	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Số lượng các dự án, chương trình được ký kết, phê duyệt và triển khai thực hiện/Số lượng các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật cho ngành Thống kê/bộ, ngành.
6.3.1.1	Huy động hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ các cơ quan thống kê quốc gia cho việc thực hiện CLTK21-30	06311	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Số lượng các dự án, chương trình được ký kết, phê duyệt và triển khai thực hiện/Số lượng các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật cho ngành Thống kê/bộ, ngành.
6.3.1.1.1	Huy động hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ Thống kê Đan Mạch cho việc thực hiện CLTK21-30	063111	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Số lượng các dự án, chương trình được ký kết, phê duyệt và triển khai thực hiện/Số lượng các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật cho ngành Thống kê/bộ, ngành.
6.3.1.1.2	Huy động hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ I-ta-li-a cho việc thực hiện CLTK21-30	063112	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Số lượng các dự án, chương trình được ký kết, phê duyệt và triển khai thực hiện/Số lượng các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật cho ngành Thống kê/bộ, ngành.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.3.1.1.3	Huy động hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ Thổ Nhĩ Kỳ cho việc thực hiện CLTK21-30	063113	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Số lượng các dự án, chương trình được ký kết, phê duyệt và triển khai thực hiện/Số lượng các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật cho ngành Thống kê/bộ, ngành.
6.3.1.1.4	Huy động hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ Hàn Quốc cho việc thực hiện CLTK21-30	063114	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Số lượng các dự án, chương trình được ký kết, phê duyệt và triển khai thực hiện/Số lượng các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật cho ngành Thống kê/bộ, ngành.
6.3.1.1.5	Huy động hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ Nhật Bản cho việc thực hiện CLTK21-30	063115	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Số lượng các dự án, chương trình được ký kết, phê duyệt và triển khai thực hiện/Số lượng các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật cho ngành Thống kê/bộ, ngành.
6.3.1.1.6	Huy động hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ các quốc gia khác cho việc thực hiện CLTK21-30	063116	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Số lượng các dự án, chương trình được ký kết, phê duyệt và triển khai thực hiện/Số lượng các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật cho ngành Thống kê/bộ, ngành.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.3.1.2	Huy động hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ các tổ chức quốc tế và định chế tài chính cho việc thực hiện CLTK21-30	06312	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Số lượng các dự án, chương trình được ký kết, phê duyệt và triển khai thực hiện/Số lượng các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật cho ngành Thống kê/bộ, ngành.
6.3.1.2.1	Huy động hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ các tổ chức Liên hợp quốc cho việc thực hiện CLTK21-30	063121	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Số lượng các dự án, chương trình được ký kết, phê duyệt và triển khai thực hiện/Số lượng các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật cho ngành Thống kê/bộ, ngành.
6.3.1.2.2	Huy động hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ các tổ chức định chế tài chính quốc tế cho việc thực hiện CLTK21-30 (Ngân hàng Thế giới, ADB, IMF, ...)	063122	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Số lượng các dự án, chương trình được ký kết, phê duyệt và triển khai thực hiện/Số lượng các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật cho ngành Thống kê/bộ, ngành.
6.3.1.3	Huy động hỗ trợ kỹ thuật và tài chính từ các tổ chức khác cho việc thực hiện CLTK21-30	0631225	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Số lượng các dự án, chương trình được ký kết, phê duyệt và triển khai thực hiện/Số lượng các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật cho ngành Thống kê/bộ, ngành.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.3.1.4	Tổ chức Hội nghị với các đối tác phát triển	06314	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2021	2030	Số lượng các Hội nghị được tổ chức; Số lượng các đối tác phát triển tham dự Hội nghị
6.3.2	Cập nhật, sửa đổi và ban hành Quy chế quản lý và thực hiện các chương trình, dự án của Tổng cục Thống kê có sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài (viết gọn là Quy chế ODA) và Quy chế quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế của Tổng cục Thống kê	0632	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			2022	Quy chế ODA và Quy chế quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế được ban hành và áp dụng thống nhất trong toàn ngành
6.3.2.1	Cập nhật, sửa đổi và ban hành Quy chế quản lý và thực hiện các chương trình, dự án của Tổng cục Thống kê có sử dụng nguồn tài trợ nước ngoài (viết gọn là Quy chế ODA)	06321	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2022	Quy chế ODA cập nhật được ban hành và áp dụng thống nhất tại Tổng cục Thống kê
6.3.2.2	Cập nhật sửa đổi và ban hành Quy chế quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế của Tổng cục Thống kê	06322	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2021	2022	Quy chế quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế cập nhật được ban hành và áp dụng thống nhất trong toàn Ngành
6.3.3	Nâng cao trình độ, năng lực cho các công chức thực hiện và quản lý dự án	0633	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Số lượng công chức được cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn ngoại ngữ, quản lý, đấu thầu dự án,... và được cấp chứng chỉ

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
6.3.3.1	Nâng cao trình độ, năng lực cho các công chức thực hiện và quản lý dự án thông qua việc cử các công chức làm dự án tham dự các lớp đào tạo bồi dưỡng về quản lý đầu thầu, tài chính,...do các tổ chức quốc tế, nhà tài trợ và các Bộ, ngành tổ chức	06331	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Số lượng công chức được cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, đầu thầu dự án,... và được cấp chứng chỉ
6.3.3.2	Nâng cao trình độ, năng lực cho các công chức thực hiện và quản lý dự án thông qua cử các công chức làm dự án tham dự các lớp bồi dưỡng về tiếng Anh, công tác đối ngoại, ..do các tổ chức quốc tế, nhà tài trợ và Bộ, ngành tổ chức	06331	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Số lượng công chức được cử tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về tiếng Anh, công tác đối ngoại,... và được cấp chứng chỉ
7	Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo	07					
7.1	Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học	071					
7.1.1	Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng phương pháp luận, chuẩn mực, quy trình thống kê tiên tiến	0711	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	Số lượng đề tài/chuyên đề về phương pháp luận, chuẩn mực, quy trình thống kê tiên tiến được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê.
7.1.1.1	Nghiên cứu xây dựng quy trình thu thập dữ liệu hành chính	07111	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2025	Ban hành quy trình và tài liệu hướng dẫn
7.1.1.2	Nghiên cứu phương pháp thanh tra hoạt động điều tra thống kê của Tổng cục Thống kê	07112	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2024	Ban hành phương pháp

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
7.1.1.3	Nghiên cứu xây dựng mô hình truyền thông tiên tiến, hiện đại nâng cao vai trò, vị thế ngành Thống kê	07113	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2024	2030	Ban hành mô hình
7.1.1.4	Nghiên cứu áp dụng Khung thống kê không gian địa lý toàn cầu tại Việt Nam	07114	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2024	Đề tài nghiên cứu khoa học được nghiệm thu và áp dụng
7.1.1.5	Nghiên cứu xây dựng phương pháp đo lường và nguồn thông tin đầu vào phục vụ ước tính khu vực kinh tế ngầm và kinh tế bất hợp pháp ở Việt Nam	07115	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2023	Số liệu ước tính về quy mô khu vực kinh tế ngầm và kinh tế bất hợp pháp ở Việt Nam
7.1.1.6	Nghiên cứu các nội dung cập nhật SNA 2008 của cơ quan Thống kê Liên hiệp quốc	07116	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	Báo cáo
7.1.1.7	Nghiên cứu ứng dụng/cập nhật các nội dung đổi mới SNA 2008	07117	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2025	2030	- Báo cáo - Bảng số liệu
7.1.1.8	Nghiên cứu tài liệu hướng dẫn của Thống kê Liên hợp quốc về thống kê dân số-lao động	07118	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2025	Tài liệu dịch
7.1.1.9	Xây dựng sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ thống kê dân số và lao động theo chuẩn mực quốc tế phù hợp với Việt Nam	07119	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2025	Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ thống kê dân số và lao động được phổ biến rộng rãi nhằm hướng dẫn Bộ/ngành, Cục TK thực hiện
7.1.1.10	Nghiên cứu cập nhật hướng dẫn hàng năm của Thống kê Liên hợp quốc về thống kê dân số và lao động (nếu có)	07120	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2025	Tài liệu cập nhật hướng dẫn của TK Liên hợp quốc về dân số và lao động được phổ biến rộng rãi nhằm hướng dẫn Bộ/ngành, Cục TK thực hiện

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
7.1.1.11	Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng phương pháp luận thống kê quốc tế để tối đa hóa việc biên soạn số liệu các chỉ tiêu phát triển bền vững Việt Nam (VSDG) thuộc lĩnh vực dân số, lao động	07121	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2025	Tài liệu dịch phương pháp luận thống kê quốc tế. Chuyên đề nghiên cứu, ứng dụng phương pháp luận thống kê tiên tiến vào việc biên soạn số liệu SDGs lĩnh vực dân số, lao động
7.1.2	Nghiên cứu khoa học dữ liệu, dữ liệu mới	0712	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	Số lượng đề tài/chuyên đề nghiên cứu về khoa học dữ liệu, dữ liệu mới được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê.
7.1.2.1	Nghiên cứu về khoa học dữ liệu	07121	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Số lượng đề tài/chuyên đề nghiên cứu được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê.
7.1.2.2	Nghiên cứu về dữ liệu mới	07122	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Số lượng đề tài/chuyên đề nghiên cứu được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê.
7.1.2.2.1	Nghiên cứu về sử dụng dữ liệu bigdata	071221	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Số lượng đề tài/chuyên đề nghiên cứu được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
7.1.2.2.2	Nghiên cứu về sử dụng dữ liệu do công dân tạo ra	071222	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2023	Số lượng đề tài/chuyên đề nghiên cứu được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê.
7.1.3	Nghiên cứu, áp dụng phương pháp đo lường các hiện tượng mới phát sinh	0713	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	Số lượng đề tài/chuyên đề nghiên cứu về phương pháp đo lường các hiện tượng mới phát sinh được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê.
7.1.3.1	Nghiên cứu về thống kê rủi ro	07131	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2024	Số lượng đề tài/chuyên đề nghiên cứu được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê.
7.1.3.2	Nghiên cứu áp dụng phương pháp đo lường các hiện tượng mới phát sinh khác	07132	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2025	2030	Đề tài nghiên cứu khoa học được nghiệm thu và áp dụng
7.1.4	Nghiên cứu các chính sách, chiến lược, mô hình thống kê hiện đại và thực hành thống kê tốt	0714	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	Số lượng đề tài/chuyên đề nghiên cứu về chính sách, chiến lược, mô hình thống kê hiện đại và thực hành thống kê tốt được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
7.1.4.1	Nghiên cứu về thực hành thống kê tốt	07141	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2023	Số lượng đề tài/chuyên đề nghiên cứu được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê.
7.1.4.2	Nghiên cứu về Chiến lược quản lý dữ liệu	07142	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2025	2026	Số lượng đề tài/chuyên đề nghiên cứu được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê.
7.1.4.3	Nghiên cứu về Chiến lược truyền thông trong thống kê	07143	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2024	2025	Số lượng đề tài/chuyên đề nghiên cứu được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê.
7.1.4.4	Nghiên cứu về xây dựng văn hóa chất lượng trong thống kê	07144	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2025	2026	Số lượng đề tài/chuyên đề nghiên cứu được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê.
7.1.4.5	Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng phương pháp luận, chuẩn mực, quy trình thống kê phục vụ công tác thống kê kiểm sát	07145	Viện KSNDTC	Các đơn vị thuộc VKSNDTC, các VKS cấp cao, VKS địa phương	2022	2030	Số lượng đề tài/chuyên đề về phương pháp luận, chuẩn mực, quy trình thống kê tiên tiến được nghiệm thu và đưa vào ứng dụng trong thực tiễn công tác thống kê

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
7.2	Đẩy mạnh đổi mới sáng tạo	072	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành	2022	2030	
7.2.1	Mở rộng các hoạt động hợp tác	0721	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh; tổ chức/cá nhân khác	2022	2030	Số lượng các hoạt động hợp tác trong nghiên cứu khoa học với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
7.2.1.1	Tổ chức các Hội thảo khoa học theo chuyên đề	07211	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh; tổ chức/cá nhân khác		Hàng năm	Số lượng các Hội thảo khoa học được tổ chức
7.2.1.2	Hợp tác trong nghiên cứu khoa học	07212	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh; tổ chức/cá nhân khác		Hàng năm	Số lượng các hoạt động hợp tác, liên kết trong nghiên cứu

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
7.2.2	Hình thành mạng lưới các nhà khoa học, chuyên gia về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin và chuyển đổi số	0722	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh; tổ chức/cá nhân khác	2022	2030	Mạng lưới các nhà khoa học, chuyên gia về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin và chuyển đổi số được hình thành
7.2.2.1	Xây dựng cơ sở dữ liệu về các nhà khoa học, chuyên gia	07221	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh; tổ chức/cá nhân khác	2023	2024	Cơ sở dữ liệu về các nhà khoa học, chuyên gia về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin và chuyển đổi số được xây dựng
7.2.2.2	Cập nhật cơ sở dữ liệu về các nhà khoa học, chuyên gia	07222	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh; tổ chức/cá nhân khác		Hàng năm	Cơ sở dữ liệu về các nhà khoa học, chuyên gia về khoa học thống kê, khoa học dữ liệu, công nghệ thông tin và chuyển đổi số được cập nhật

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
7.2.2.3	Thành lập các nhóm nghiên cứu	07223	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh; tổ chức/cá nhân khác		Hàng năm	Các nhóm nghiên cứu được thành lập và hoạt động
8	Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành thống kê	08					
8.1	Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	081					
8.1.1	Thanh tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	0811	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Hàng năm	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Kết luận thanh tra.
8.1.2	Kiểm tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	0812	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			Hàng năm	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
8.1.3	Giám sát việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	0813	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			Hàng năm	Báo cáo kết quả giám sát
8.2	Đẩy mạnh kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đã được cấp có thẩm quyền công bố	082	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh			
8.2.1	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với Bộ, ngành	0821	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
8.2.2	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với cấp tỉnh	0822	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
8.2.3	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với cấp huyện	0823	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
8.2.4	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với cấp xã	0824	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2026	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
8.3	Tổ chức kiểm tra việc tuân thủ Luật Thống kê trong sản xuất thông tin thống kê của Hệ thống thống kê Nhà nước	083	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh			
8.3.1	Kiểm tra việc sản xuất thông tin đối với Bộ, ngành	0831	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
8.3.2	Kiểm tra việc sản xuất thông tin đối với hệ thống thống kê tập trung	0832	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
8.3.3	Tăng cường kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ Luật Thống kê, Chế độ báo cáo thống kê của các đơn vị thuộc ngành kiểm sát	0833	Viện KSNDTC	VKSNDTC, các VKS cấp cao, VKS địa phương		Hàng năm	Báo cáo kết quả thanh tra, kiểm tra Kết luận thanh tra Thông báo kết quả kiểm tra
9	Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê	09					
9.1	Đảm bảo kinh phí thực hiện CLTK21-30	091					
9.1.1	Dự toán kinh phí thực hiện chiến lược	0911	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
9.1.1.1	Dự toán kinh phí thực hiện chiến lược của hệ thống Thống kê tập trung	09111	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			Hàng năm	
9.1.1.1.1	Tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chiến lược của Tổng cục Thống kê	9.1.1.1.1	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			Hàng năm	Dự toán kinh phí thực hiện CLTK21-30 hàng năm được phê duyệt
9.1.1.2	Dự toán kinh phí thực hiện chiến lược của bộ, ngành	09113	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Hàng năm	Dự toán kinh phí thực hiện CLTK21-30 hàng năm được phê duyệt
9.1.1.3	Dự toán kinh phí thực hiện chiến lược của tỉnh, thành phố	09113	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Hàng năm	Dự toán kinh phí thực hiện CLTK21-30 hàng năm được phê duyệt

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
9.1.2	Phân bổ kinh phí thực hiện chiến lược	0912	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			
9.1.2.1	Phân bổ kinh phí thực hiện chiến lược của hệ thống Thống kê tập trung	09121	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			Hàng năm	- Kinh phí thực hiện CLPTTK được phân bổ cho các đơn vị thực hiện.
9.1.2.2	Phân bổ kinh phí thực hiện chiến lược của bộ, ngành	09122	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Hàng năm	- Kinh phí thực hiện CLPTTK được phân bổ cho các đơn vị thực hiện.
9.1.2.3	Phân bổ kinh phí thực hiện chiến lược của tỉnh, thành phố	09123	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Hàng năm	- Kinh phí thực hiện CLPTTK được phân bổ cho các đơn vị thực hiện.
9.1.3	Huy động nguồn vốn hợp pháp khác bổ sung kinh phí cho hoạt động thống kê nhà nước	0913	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Hàng năm	Kinh phí thực hiện CLPTTK từ các nguồn khác được huy động và phê duyệt để thực hiện Chiến lược.
9.1.3.1	Tổ chức huy động nguồn vốn hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân bổ sung kinh phí cho hoạt động thống kê nhà nước	09131	UBND cấp tỉnh			Hàng năm	Kinh phí thực hiện CLPTTK được huy động
9.1.3.2	Phân bổ kinh phí huy động được cho các hoạt động của Kế hoạch thực hiện Chiến lược	09132	UBND cấp tỉnh			Hàng năm	Kinh phí thực hiện CLPTTK từ nguồn vốn hợp pháp khác được huy động và phê duyệt để thực hiện Chiến lược.
9.2	Tập trung xây dựng và phát triển hạ tầng số, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong công tác thống kê	092	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
9.2.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia	0921	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	
9.2.1.1	Dự toán kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số của hệ thống thống kê tập trung	09211	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được phê duyệt.
9.2.1.2	Dự toán kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số của thống kê Bộ, ngành	09212	Bộ, ngành		2022	2030	Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được phê duyệt.
9.2.1.3	Dự toán kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số của tỉnh, thành phố	09213	UBND cấp tỉnh		2022	2030	Dự toán kinh phí hàng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được phê duyệt.
9.2.2	Phân bổ kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia	0922	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	
9.2.2.1	Phân bổ kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số của hệ thống thống kê tập trung	09221	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm được phân bổ.
9.2.2.2	Phân bổ kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số của thống kê Bộ, ngành	09222	Bộ, ngành		2022	2030	Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm được phân bổ.
9.2.2.3	Phân bổ kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số của tỉnh, thành phố	09223	UBND cấp tỉnh		2022	2030	Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm được phân bổ.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
9.2.3	Xây dựng trụ sở làm việc cho các đơn vị thuộc hệ thống thống kê tập trung	0923	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Hoàn thành xây dựng trụ sở làm việc của hệ thống thống kê tập trung theo Kế hoạch đầu tư công trung hạn được phê duyệt.
9.2.3.1	Xây dựng trung tâm dữ liệu (Data Center) và trụ sở làm việc của Trung tâm Tin học thống kê khu vực I	09231	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2025	Trung tâm dữ liệu được hoàn thành và đi vào sử dụng
9.2.3.2	Tăng cường cơ sở vật chất, hạ tầng CNTT phục vụ công tác thống kê	09232	UBND cấp tỉnh		2022	2030	Đảm bảo cơ sở vật chất , hạ tầng CNTT đầy đủ phục vụ công tác thống kê
9.3	Xây dựng trung tâm dữ liệu thống kê tập trung từ nguồn vốn đầu tư công	093			2022	2030	Trung tâm dữ liệu thống kê tập trung được xây dựng.
9.3.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	0931	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	
9.3.1.1	Xây dựng kinh phí Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia của hệ thống thống kê tập trung	09311	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2022	2030	Dự toán kinh phí hàng năm cho từng hoạt động hoặc nội dung của Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia của hệ thống thống kê tập trung □

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
9.3.1.2	Xây dựng kinh phí Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia của thống kê Bộ, ngành	09312	Bộ, ngành		2022	2030	Dự toán kinh phí hàng năm cho từng hoạt động hoặc nội dung của Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia của thống kê Bộ, ngành
9.3.1.3	Xây dựng kinh phí Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia của tỉnh, thành phố	09313	UBND cấp tỉnh		2022	2030	Dự toán kinh phí hàng năm cho từng hoạt động hoặc nội dung của Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia của tỉnh, thành phố
9.3.2	Phân bổ kinh phí Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia	0932	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	
9.3.2.1	Phân bổ kinh phí Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia của hệ thống thống kê tập trung	09321	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2024	2030	Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm được phân bổ.
9.3.2.2	Phân bổ kinh phí Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia của thống kê Bộ, ngành	09322	Bộ, ngành		2024	2030	Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm được phân bổ.
9.3.2.3	Phân bổ kinh phí Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia của tỉnh, thành phố	09323	UBND cấp tỉnh		2024	2030	Kinh phí thực hiện Đề án hàng năm được phân bổ.
9.4	Hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê	094	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh				

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
9.4.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia (Phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê)	0941	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	- Dự toán kinh phí hàng năm được phê duyệt; - Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường.
9.4.1.1	Xây dựng dự toán kinh phí hàng năm cho từng hoạt động hoặc nội dung của Đề án tăng cường năng lực thống kê được phân công trên địa bàn tỉnh, thành phố (được cấp có thẩm quyền phê duyệt)	09411	UBND cấp tỉnh		2025	2030	Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường.
9.4.1.2	Xây dựng dự toán kinh phí cho từng Đề án tăng cường năng lực thống kê cấp tỉnh	09412	UBND cấp tỉnh		2024	2030	Dự toán kinh phí cho từng Đề án tăng cường năng lực thống kê cấp tỉnh (Bao gồm hoạt động về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Đào tạo, bồi dưỡng)
9.4.1.3	Xây dựng kế hoạch mua sắm phương tiện và trang thiết bị làm việc cho hệ thống thống kê tập trung	09413	UBND cấp tỉnh		2025	2030	Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường.
9.4.2	Đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia	0942	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	2024	2030	Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường
9.4.2.1	Phân bổ kinh phí hàng năm để thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án tăng cường năng lực thống kê quốc gia	09421	UBND cấp tỉnh		2025	2030	Phương tiện và trang thiết bị làm việc được tăng cường

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
9.4.2.2	Phân bổ kinh phí hàng năm để thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của đề án cường năng lực thống kê cấp tỉnh	09422	UBND cấp tỉnh		2024	2030	Kế hoạch phân bổ (Bao gồm hoạt động về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Đào tạo, bồi dưỡng)
II	CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC						
10	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược và tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện chiến lược	10					
10.1	Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện CLTK21-30	101					
10.1.1	Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện CLTK21-30 cấp Trung ương	1011	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành		2022; 2025	Quyết định thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện Chiến lược Trung ương
10.1.1.1	Đề xuất thành lập Ban chỉ đạo và Tổ thư ký	10111	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành		Tháng 7/2022; 2026	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện Chiến lược Trung ương
10.1.1.2	Đề xuất kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ thư ký	10112	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành		Tháng 7/2022; 2026	Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ thư ký giúp việc thực hiện Chiến lược Trung ương

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
10.1.2	Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chiến lược cấp tỉnh	1012	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 7/2022	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chiến lược các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
10.1.2.1	Thành lập Ban chỉ đạo và tổ thư ký giúp việc thực hiện chiến lược cấp tỉnh	10121	UBND cấp tỉnh			Tháng 7/2022	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo và tổ thư ký giúp việc thực hiện Chiến lược các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
10.1.2.2	Kiện toàn nhân sự Ban chỉ đạo và tổ thư ký giúp việc thực hiện chiến lược cấp tỉnh	10122	UBND cấp tỉnh			2026	Quyết định kiện toàn Ban chỉ đạo và tổ thư ký giúp việc thực hiện Chiến lược các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
10.2	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30	102					
10.2.1	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 chung	1021	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Tháng 6/2022; 2026	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 chung được ban hành
10.2.1.1	Xây dựng Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 chung	10211	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Tháng 6/2022	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 chung được ban hành

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
10.2.1.2	Cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 chung	10212	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2026	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 chung được cập nhật
10.2.2	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của bộ, ngành, UBND cấp tỉnh	1022	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 7/2022; 2026	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của bộ, ngành, UBND cấp tỉnh được ban hành
10.2.2.1	Xây dựng Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	10221	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Tháng 7/2022	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) được ban hành
10.2.2.2	Cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê)	10222	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2026	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) được cập nhật
10.3	Tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện chiến lược	10.3					
10.3.1	Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện chiến lược cấp quốc gia	1031	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Tháng 7/2022	(01 hội nghị do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì)
10.3.2	Hội nghị cấp Bộ, ngành do các Bộ, ngành chủ trì	1032	Bộ, ngành	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 7/2022	01 hội nghị do Bộ, ngành chủ trì
10.3.3	Hội nghị cấp tỉnh do UBND cấp tỉnh chủ trì	1033	UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 7/2022	01 hội nghị do UBND cấp tỉnh chủ trì

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
11	Tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết thực hiện Chiến lược	11					
11.1	Xây dựng Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	111	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Tháng 3/2022	Tháng 6/2022	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30
11.1.1	Dự thảo Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	1111	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Tháng 7/2022	Tháng 8/2022	Dự thảo Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30
11.1.2	Lấy ý kiến các bộ, ngành, địa phương; tổ chức Hội thảo	1112	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Tháng 8/2022	Tháng 9/2022	- Góp ý của các bộ, ngành, địa phương; - 01 Hội thảo cấp Bộ.
11.1.3	Hoàn thiện, trình Bộ trưởng Bộ KHĐT ban hành Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	1113	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30
11.2	Biên soạn Tài liệu hướng dẫn theo dõi và đánh giá thực hiện CLTK21-30	112	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 7/2022	Tháng 12/2022	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Tài liệu hướng dẫn theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30
11.2.1	Dự thảo Tài liệu hướng dẫn theo dõi và đánh giá thực hiện CLTK21-30	1121	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 9/2022	Tháng 10/2022	Dự thảo Tài liệu hướng dẫn

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
11.2.2	Tổ chức Hội thảo Tài liệu	1122	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			Tháng 11/2022	Hội thảo nội bộ TCTK
11.2.3	Hoàn thiện, trình Bộ trưởng Bộ KHĐT ban hành Tài liệu hướng dẫn theo dõi và đánh giá thực hiện CLTK21-30	1123	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 11/2022	Tháng 12/2022	Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Tài liệu hướng dẫn theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30
11.3	Xây dựng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	11.3	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh			
11.3.1	Xây dựng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	1131	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Tháng 01/2023	Tháng 6/2023	Phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30 được xây dựng và triển khai áp dụng
11.3.2	Áp dụng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	1132	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Hàng năm	Kết quả thực hiện CLTK21-30 hàng năm được báo cáo trên phần mềm
11.4	Tổ chức theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	11.4					
11.4.1	Theo dõi thường xuyên quá trình thực hiện CLTK21-30	1141	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh			Hàng năm	Báo cáo theo dõi thực hiện CLTK21-30 hàng năm
11.4.1.1	Xây dựng mạng lưới theo dõi thực hiện CLTK21-30 của TCTK	11411	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		2023	2024	Trình Lãnh đạo TC ký công văn thành lập các Nhóm theo dõi thực hiện CLPTTK tại các đơn vị của TCTK

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
11.4.1.2	Xây dựng báo cáo theo dõi thực hiện CLTK21-30 hàng năm	11412	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			Hàng năm	Báo cáo theo dõi thực hiện CL hàng năm
11.4.2	Xây dựng báo cáo về tình hình thực hiện CLTK21-30 trình TTCP	1142	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		2023; 2027	Báo cáo tình hình thực hiện CLTK21-30 trình TTCP
11.4.3	Sơ kết thực hiện CLTK21-30	1143	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Tháng 9/2025	Tháng 03/2026	Báo cáo sơ kết của Bộ, ngành; địa phương (Từ Tháng 9-12/2025); Báo cáo sơ kết quốc gia (Tháng 03/2026); Hội nghị sơ kết thực hiện CLTK21-30 (Tháng 3/2026)
11.4.3.1	Hướng dẫn, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương làm báo cáo sơ kết thực hiện CLTK21-30	11431	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Tháng 9/2025	Tháng 12/2025	Công văn hướng dẫn Báo cáo sơ kết của các bộ, ngành, địa phương
11.4.3.2	Sơ kết thực hiện CLTK21-30	11432	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh		Tháng 9/2025	Tháng 12/2025	Báo cáo sơ kết của Bộ, ngành; địa phương (Từ Tháng 9-12/2025);
11.4.3.3	Biên soạn báo cáo sơ kết tình hình thực hiện CLTK21-30 cấp quốc gia	11433	Bộ Kế hoạch và Đầu tư		Tháng 12/2025	Tháng 2/2026	Báo cáo sơ kết trình TTCP
11.4.3.4	Tổ chức Hội nghị sơ kết thực hiện CLTK21-30	11434	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			Tháng 03/2026	Hội nghị sơ kết

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
11.4.4	Tổng kết thực hiện CLTK21-30	1144	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 7/2030	Tháng 12/2030	Báo cáo tổng kết của Bộ, ngành; địa phương (Từ Tháng 7-10/2030); Báo cáo tổng kết quốc gia (Tháng 12/2030); Hội nghị tổng kết thực hiện CLTK21-30 (Tháng 12/2030)
11.4.4.1	Xây dựng Kế hoạch tổng kết, hướng dẫn, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương tổng kết tình hình thực hiện CLTK21-30	11441	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Tháng 7/2030	Tháng 10/2030	Báo cáo tổng kết của Bộ, ngành; địa phương
11.4.4.2	Tổng kết tình hình thực hiện CLTK21-30 tại bộ, ngành, địa phương	11442	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Tháng 7/2030	Tháng 12/2030	Báo cáo tổng kết của Bộ, ngành; địa phương (Từ Tháng 7-10/2030); Tổ chức Hội nghị tổng kết (Tháng 10-12/2030)
11.4.4.3	Biên soạn báo cáo tổng kết tình hình thực hiện CLTK21-30 cấp quốc gia	11443	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	Tháng 7/2030	Tháng 12/2030	Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện CLTK21-30 cấp quốc gia trình TTCP
11.4.4.4	Tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện CLTK21-30	11444	Bộ Kế hoạch và Đầu tư			Tháng 12/2030	Hội nghị tổng kết thực hiện CLTK21-30